CÔNG TY CP NHỰA VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Công Ty CP Nha Vit Nam
Digitally signed by Công Ty CP Nha Vit Nam
DN: CN=Công Ty CP Nha Vit Nam, O=MST:0300381966, L=12/19/2014 6:52:03 PM, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2018/06/19 15:52:53 +07'00'

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội
Quý cổ đông Công ty CP Nhựa Việt Nam

Công ty: CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Trụ sở chính: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Tp.HCM

Điện thoại: 028 – 39453301 – 39453302

Fax: 028 – 39453298

Người thực hiện công bố thông tin/người được ủy quyền: Trịnh Thị Mai Hương

Địa chỉ: 224 – Tổ 4 – Phường Kiến Hưng – Quận Hà Đông – TP.Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0901367123

Fax: 028 – 39453298

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☒ Bất thường ☐ Định kỳ

(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố:

Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty CP Nhựa Việt Nam

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 19 tháng 06 năm 2018

Người thực hiện công bố thông tin

(ký, ghi rõ họ tên)

M.S.D.N:0300381966 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM QUẬN 4 - TP HỒ CHÍ MINH

Trịnh Thị Mai Hương

GIẤY ỦY QUYỀN CÁ NHÂN

Tôi tên là:.....
Mã số cổ đông:.....
Hiện sở hữu: ..... cổ phần của Công ty CP Nhựa Việt Nam.
Vì lí do cá nhân tôi không thể tham dự Đại hội đồng cổ đông năm 2018.
Do vậy, tôi ủy quyền cho:
Ông (Bà): .....
(Hoặc) Thành viên HĐQT – Ông (Bà):.....
CMND / Hộ chiếu số: ..... Cấp ngày: .../.../... tại: .....

Đại diện cho tôi tham dự và biểu quyết toàn bộ các vấn đề tại phiên họp **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018** ngày 29/6/2018.

Ông/Bà ..... có nghĩa vụ thực hiện nghiêm túc nội dung của Giấy ủy quyền này cũng như quy chế làm việc tại Đại hội, không được ủy quyền lại cho người khác và có trách nhiệm thông báo lại nội dung Đại hội cho người ủy quyền.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực khi kết thúc Đại hội, được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN	NGƯỜI ỦY QUYỀN
(Ký tên, ghi rõ họ & tên)	*(Ký tên, ghi rõ họ & tên)*

GIẤY ỦY QUYỀN TỔ CHỨC

Tên tổ chức ủy quyền: .....
Địa chỉ: .....
Điện thoại: ..... Fax: .....
Giấy ĐKKD số: .....do ..... cấp ngày:.....
Sở hữu số cổ phần:.....
(Bằng chữ: .....)

QUYẾT ĐỊNH ỦY QUYỀN CHO

Ông (Bà): .....
Chức danh: .....
Địa chỉ: .....
Giấy CMND: .....Ngày cấp: .....Nơi cấp: .....
Điện thoại: ..... Fax: .....

Thay mặt cho đơn vị chúng tôi tham dự và biểu quyết tại **Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018** Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam ngày 29/6/2018 với tư cách là đại diện cho tất cả số cổ phần mà đơn vị chúng tôi đang sở hữu.

Ông/Bà ..... có nghĩa vụ thực hiện nghiêm túc nội dung của Giấy ủy quyền này cũng như quy chế làm việc tại Đại hội, không được ủy quyền lại cho người khác và có trách nhiệm thông báo lại nội dung Đại hội cho người ủy quyền.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực khi kết thúc Đại hội, được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau.

Người được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông	**Người đại diện theo ủy quyền**	**TỔ CHỨC ỦY QUYỀN**
(Ký tên, ghi rõ họ & tên)	*(Ký tên, ghi rõ họ & tên)*	(Người đại diện theo Pháp luật của tổ chức ủy quyền *ký tên, đóng dấu)*

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM
VINAPLAST

300B Nguyễn Tất Thành, P13, Q.4, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028. 39453301 – 39453302; Fax: 028. 39453298
Webstie: http://www.vinaplast.com.vn
Email: vinaplast@vinaplast.com.vn
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300381966
Do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp ngày 09/07/2016

VINAPLAST

THƯ MỜI HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

CÔNG TY CP NHỰA VIỆT NAM
VINAPLAST

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 6 năm 2018

THƯ MỜI

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Nhựa Việt Nam;
Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ - NVN - HĐQT ngày 06/6/2018 của HĐQT về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Hội đồng quản trị Công ty CP Nhựa Việt Nam trân trọng kính mời:
Cổ đông:
MSCĐ: Số cổ phần:
Địa chỉ:
Đến dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của C.ty CP Nhựa VN.
Thời gian: **08 giờ ngày 29 tháng 06 năm 2017 (Thứ sáu).**
Địa điểm: **Hội trường (Lầu 3) Công ty CP Nhựa Việt Nam**
300B Nguyễn Tất Thành, P.13, Q4, Tp. Hồ Chí Minh.
Rất mong Quí cổ đông sắp xếp thời gian đến tham dự đúng giờ để Đại hội đạt kết quả.
Trường hợp không tham dự được, đề nghị Quí cổ đông ủy quyền cho người đi dự thay theo mẫu tại trang 04.
Ghi chú: *Để công tác tổ chức được chu đáo, đề nghị quí cổ đông hoặc người được ủy quyền xác nhận việc đăng ký tham dự Đại hội trước 16h00 ngày 28/06/2018 bằng điện thoại, thư, fax, email hoặc đăng ký trực tiếp tại Trụ sở công ty: 300B Nguyễn Tất Thành, P.13, Q.4, Tp.HCM.*
Trân trọng.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

M.S.D.N:0300381... CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM QUẬN 4 - TP. HỒ CHÍ MINH

Lê Hoàng

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI

7:30 – 8:00: Cổ đông làm thủ tục đăng ký dự Đại hội.
8:00 – 9:30: Nội dung Đại hội.
- **Báo cáo thường niên năm 2017**, bao gồm:
+ Báo cáo Tài chính năm 2017 đã được kiểm toán.
+ Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017 và nhiệm kỳ 2013-2018.
+ Báo cáo của Ban Kiểm soát 2017.
+ Báo cáo của TGĐ về kết quả hoạt động SXKD năm 2017.

- **Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2017. KHKD năm 2018, phân phối lợi nhuận 2018.**
- **Lựa chọn công ty kiểm toán năm 2018.**
- **Ngân sách hoạt động & thù lao của HĐQT & BKS năm 2018**
- **Thông qua toàn văn Điều lệ Công ty**
- **Thông qua Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty**

9:30 – 10:00: Đại hội thảo luận
10:00 – 10:15: ĐH biểu quyết thông qua các Nội dung & Tờ trình của Đại hội. Kiểm Phiếu biểu quyết
10:15 – 10:30 Nghỉ giải lao
10:30 – 10:40 Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết.
10:40 – 11:30: Đại hội bầu cử TV HĐQT, TV BKS nhiệm kỳ 2018-2023
11:30 – 11:45: Công bố và thông qua kết quả bầu cử
11:45 – 12:00: Tổng kết Đại hội

Quí cổ đông vui lòng nhận Tài liệu tại Đại hội.
Hoặc in từ Website: **http://www.vinaplast.com.vn. Mục "Quan hệ cổ đông"**

Ghi chú:
- Quí cổ đông tham dự Đại hội, xin vui lòng mang theo **Thư mời, CMND/ Thẻ căn cước hoặc Hộ chiếu.**
- Quí cổ đông không tham dự Đại hội có thể ủy quyền cho người khác tham dự hoặc HĐQT xin giới thiệu 06 thành viên HĐQT công ty CP Nhựa Việt Nam dưới đây để Quí cổ đông có thể ủy quyền tham dự Đại hội:

- **Ông Lê Hoàng** Chủ Tịch HĐQT
- **Ông Phan Trung Nam** Thành viên HĐQT
- **Bà Vũ Thị Minh Thục** Thành viên HĐQT
- **Bà Trần Thị Oánh** Thành viên HĐQT
- **Ông Đỗ Văn Hiếu** Thành viên HĐQT
- **Bà Lê Ngọc Diệp** Thành viên HĐQT

Quí cổ đông vui lòng chuyển Thư mời có nội dung ủy quyền cho người được ủy quyền để tham dự Đại hội.

VINAPLAST

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM
Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Q4, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028. 39453301 – 39453302; Fax: 028. 39453298
Giấy CNĐKDN số: 0300381966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM
cấp lần đầu ngày 23/09/2008 và thay đổi lần thứ 4 ngày 09/7/2016

TP Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2018

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM NĂM 2018

***Thời gian**: 8h00 ngày 29 tháng 6 năm 2018 (thứ sáu)*

***Địa điểm**: Hội trường lầu 3 Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam - 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.*

TT	Thời gian	Nội dung chương trình	Thực hiện
1.	7h30 – 8h00	**I. Thủ tục đăng ký:** 1. Tiếp đón cổ đông đăng ký nhận tài liệu, phiếu biểu quyết…;	BTC
2.	8h00 – 8h30	**II. Thủ tục khai mạc:** 1. Tuyên bố lý do - Giới thiệu đại biểu và khách mời tham dự. 2. Báo cáo tính hợp lệ của cổ đông tham dự đại hội 3. Đề xuất danh sách Đoàn Chủ tịch & Ban thư ký Đại hội, Ban kiểm phiếu biểu quyết và Ban kiểm phiếu bầu. 4. Khai mạc Đại hội. 5. Thông qua Chương trình Đại hội. 6. Thông qua Thể thức biểu quyết và Quy chế làm việc của ĐH.	BTC Ban Kiểm tra BTC Đoàn Chủ tịch Chủ tọa Đoàn Chủ tịch
3	8h30 – 09h00	**III. Nội dung Đại hội:** 1. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và phương hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018. 2. Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán. 3. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017, nhiệm kỳ 2013-2018. 4. Báo cáo của Ban Kiểm soát về quản lý Công ty của HĐQT và Tổng Giám đốc.	Tổng Giám đốc Trưởng phòng TCKT HĐQT BKS

TT	Thời gian	Nội dung chương trình	Thực hiện
4	09h00 – 09h30	**IV. Các vấn đề trình của HĐQT:** 1. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2017 (chia cổ tức và trích lập các quỹ) và KHKD, phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018. 2. Ngân sách hoạt động và thù lao HĐQT & BKS năm 2018. 3. Lựa chọn công ty kiểm toán năm 2018. 4. Thông qua toàn văn Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Công ty. 5. Thông qua toàn văn Quy chế nội bộ về Quản trị nội bộ của Công ty	HĐQT
5	09h30 - 10h00	6. Đại hội thảo luận.	Đoàn Chủ tịch
6	10h00 – 10h15	7. Đại hội biểu quyết thông qua các nội dung và các tờ trình của Đại hội. 8. Kiểm phiếu biểu quyết các tờ trình.	Đoàn Chủ tịch Ban Kiểm phiếu
7	10h15 – 10h30	**NGHỈ GIẢI LAO**	
8	10h30 – 10h40	9. Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết.	Ban Kiểm phiếu
9	10h40 – 11h30	**V. Bầu cử thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2018 - 2023** 1. Thông qua tờ trình DS ứng viên HĐQT và BKS; 2. Thông qua Quy chế bầu cử thành viên HĐQT và Ban kiểm soát; 3. Tiến hành bầu cử.	Đoàn Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ban Bầu cử Ban Bầu cử
10	11h30 – 11h45	4. Công bố kết quả bầu cử 5. Thông qua kết quả bầu cử.	Ban kiểm phiếu Đoàn Chủ tịch
11	11h45 – 12h00	**VI. Tổng kết Đại hội:** 1. Thông qua Nghị quyết Đại hội. 2. Thông qua Biên bản Đại hội. 3. Bế mạc Đại hội.	Đoàn Chủ tịch Ban Thư ký BTC

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

CÔNG TY CP NHỰA VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

TP.Hồ Chí Minh, ngày tháng 06 năm 2018

QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp Việt Nam 2014 số 68/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điểm của Luật Doanh nghiệp năm 2005 ngày 29/11/2005, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12;*
- *Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam;*
- *Căn cứ Nghị quyết số:16/NQ-NVN- HĐQT ngày 06/6/2018 về việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 của Hội đồng Quản trị.*

Để Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam diễn ra nhanh chóng, thuận lợi, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông, tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Thay mặt Hội đồng quản trị, kính trình đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế làm việc đại hội với các nội dung chính như sau:

I. NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI:

- Biểu quyết thông qua Quy chế làm việc tại đại hội; Chương trình đại hội; Bầu Chủ tọa đoàn, Ban Kiểm phiếu, Ban thư ký đại hội.
- Thảo luận và biểu quyết thông qua: Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của HĐQT năm 2017 và Phương hướng năm 2018; báo cáo của Ban kiểm soát năm 2017; phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2017 và kế hoạch năm 2018; báo cáo thù lao của HĐQT, BKS năm 2017 và kế hoạch năm 2018; Thông qua toàn văn Điều lệ sửa đổi bổ sung của Công ty; Thông qua toàn văn Quy chế nội bộ về quản nội bộ của Công ty và các vấn đề khác theo Tờ trình của HĐQT.
- Bầu cử thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023.
- Biểu quyết thông qua Nghị quyết Đại hội.

II. CÁC QUY ĐỊNH TẠI ĐẠI HỘI:

1. Đăng ký tham dự Đại hội.

Các cổ đông hoặc người được ủy quyền khi đến tham dự đại hội phải đăng ký với Ban kiểm tra tính pháp lý cổ đông tham dự đại hội để nhận Phiếu biểu quyết và Thẻ biểu quyết. Trên mỗi Phiếu biểu quyết sẽ có đầy đủ các thông tin: họ tên, mã số cổ đông/người đại diện hợp pháp cổ đông, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng của cổ đông. Trên mỗi Thẻ biểu quyết có ghi tên cổ đông hoặc người được ủy quyền, mã số biểu quyết và số cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng của cổ đông và các nội dung chính cần biểu quyết của Đại hội.

2. Ban thư ký:

- Thư ký đại hội do Chủ tọa đại hội giới thiệu trước đại hội.
- Thư ký là bộ phận giúp việc của đại hội do Chủ tọa đoàn trực tiếp điều hành.
- Thư ký có nhiệm vụ ghi biên bản tổng hợp, đầy đủ, trung thực ý kiến của các cổ đông tại đại hội; soạn thảo nghị quyết và thông qua tại đại hội.

3. Ban kiểm phiếu và bầu cử:

Ban kiểm phiếu và bầu cử do Chủ tọa đoàn giới thiệu trình trước đại hội và được thông qua bằng biểu quyết. Ban kiểm phiếu và bầu cử có trách nhiệm:

- Ghi nhận kết quả biểu quyết của các cổ đông và người được ủy quyền đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại đại hội.
- Tổng hợp và báo cáo Chủ tọa đoàn kết quả biểu quyết từng vấn đề tại đại hội.
- Phổ biến, hướng dẫn nguyên tắc, thể lệ bầu cử.
- Phát và thu phiếu bầu cử, kiểm phiếu, lập biên bản và công bố kết quả bầu cử.
- Xem xét và báo cáo với đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ bầu cử hoặc đơn từ khiếu nại về bầu cử.

4. Thảo luận và phát biểu ý kiến tại Đại hội.

Tại đại hội, sau khi nghe các báo cáo, tờ trình của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, các cổ đông hoặc người được ủy quyền có quyền thảo luận và phát biểu ý kiến nhưng phải tuân thủ các quy định sau:

- Được sự chấp thuận của chủ tọa;
- Phải nêu tên, mã số cổ đông trước khi phát biểu;
- Nội dung phát biểu phải ngắn gọn và phù hợp với chương trình đại hội;
- Thời gian phát biểu không quá 05 phút cho 01 lần phát biểu.

5. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội.

a Nguyên tắc:

- Cổ đông, đại diện cho cổ đông tham dự Đại hội đều có quyền biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội, quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện sở hữu.

- Các nội dung trình đại hội sẽ được lấy ý kiến biểu quyết và chỉ được thông qua khi có ít nhất **51%** tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự đại hội chấp thuận, riêng nội dung sửa đổi Điều lệ chỉ được thông qua khi có ít nhất **65%** tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự đại hội chấp thuận.
- Tại đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 biểu quyết bằng hình thức ghi nhận kết quả biểu quyết vào Thẻ biểu quyết đối với việc biểu quyết thông qua các tờ trình và giơ Phiếu biểu quyết đối với việc biểu quyết các nội dung còn lại được thông qua tại đại hội.

b **Cách thức biểu quyết:**

Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội:

- Cổ đông biểu quyết (***tán thành, không tán thành, không có ý kiến***) từng vấn đề bằng cách ***đánh dấu vào ô tương ứng trong Thẻ biểu quyết***, sau đó chuyển lại Thẻ biểu quyết cho Ban kiểm phiếu.

Cổ đông biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết đối với các nội dung chính của Đại hội bằng cách đánh dấu (x) vào ô Tán thành hoặc Không tán thành hoặc Không có ý kiến của từng nội dung được nêu trong Thẻ biểu quyết. Ký tên và ghi rõ họ và tên vào vị trí "Chữ ký của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền" ở phía cuối Thẻ biểu quyết.

Thẻ biểu quyết không hợp lệ là thẻ biểu quyết không do Công ty phát hành; ghi thêm nội dung, thông tin, ký hiệu khác…khi không được Chủ tọa yêu cầu; thẻ biểu quyết bị gạch xóa, sửa chữa, rách, không còn nguyên vẹn. Thẻ biểu quyết không thể hiện rõ ràng ý kiến của cổ đông, không đánh dấu ý kiến nào hoặc đánh dấu từ 2 ý kiến trở lên đối với nội dung cần lấy ý kiến biểu quyết nào thì phần biểu quyết đối với nội dung đó là không hợp lệ.

Trong một Thẻ biểu quyết, các nội dung cần lấy ý kiến được biểu quyết độc lập với nhau. Sự không hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung khác.

Trường hợp cổ đông biểu quyết nhầm hoặc thẻ biểu quyết không còn nguyên vẹn, cổ đông có thể liên hệ với Ban tổ chức để được cấp lại Thẻ biểu quyết mới và phải nộp lại Thẻ biểu quyết cũ.

Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội nhưng vì lý do quan trọng không thể có mặt đến hết chương trình Đại hội, cổ đông đó phải gửi lại Thẻ biểu quyết đã biểu quyết các vấn đề cần lấy ý kiến cho Ban tổ chức trước khi ra về. Nếu cổ đông nào không gửi lại Thẻ biểu quyết cho Ban tổ chức, Ban kiểm phiếu xem như cổ đông đó không có ý kiến đối với các vấn đề cần lấy ý kiến.

Thời gian bỏ phiếu được tính từ khi Chủ tọa hoặc Trưởng ban kiểm phiếu thông báo bắt đầu bỏ phiếu cho đến khi không còn cổ đông/đại diện cổ đông nào bỏ phiếu vào thùng phiếu.

Biểu quyết thông qua các nội dung còn lại tại Đại hội:

- Cổ đông hoặc người được ủy quyền thực hiện biểu quyết ***tán thành, không tán thành*** hoặc ***không có ý kiến*** về một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại đại hội bằng cách ***giơ cao Phiếu biểu quyết***.
- Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền chỉ được thực hiện biểu quyết một lần cho mỗi nội dung cần được thông qua.

- Khi biểu quyết giơ Phiếu biểu quyết, mặt trước của Phiếu biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía chủ tọa điều khiển đại hội.

Bầu cử thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023:

Thực hiện theo Quy chế bầu cử thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát

6. Đảm bảo an ninh trật tự trong quá trình đại hội

Chủ tọa đại hội được quyết định áp dụng các biện pháp hợp lý nhằm đảm bảo và duy trì an ninh trật tự trong quá trình đại hội.

Thay mặt Hội đồng quản trị trình đại hội đồng cổ đông cho ý kiến và biểu quyết thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

LÊ HOÀNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Số: /BC –NVN-TGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
----o0o----

TP.Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2018

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017, NHIỆM KỲ 2013-2018 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NHIỆM KỲ 2018 - 2023

Ban Điều hành Công ty Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017, nhiệm kỳ 2013-2018 và phương hướng, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2018 - 2023 như sau:

I. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam năm 2017

1. Tình hình hoạt động kinh doanh

1.1. Tình hình kinh doanh riêng của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam

Kết quả kinh doanh cụ thể của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2017	Thực hiện		Tỷ lệ (%)	
			Năm 2016	Năm 2017	2017/KH	2017/2016
Doanh thu thuần	Tỷ.đồng	273,09	189,35	149,63	54,79	79,02
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đồng	26,46	2,22	88,33	333,84	3.978,83
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	9,51	2,22	71,36	750,37	3.214,41
Cổ tức	Đồng/CP	0	0	0		

- Doanh thu thuần thực hiện năm 2017 giảm 20,98% so với cùng kỳ năm trước và chỉ đạt 54,79% so với nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 do:

+ Do giá nguyên liệu nhựa biến động khó lường nên để hạn chế hàng tồn kho, giảm thiểu việc ứ đọng vốn Công ty phải cân nhắc để có kế hoạch nhập nguyên liệu phù hợp.

+ Chủ trương của Ban Lãnh đạo Công ty là hạn chế bán nợ do có nhiều rủi ro như một số khách hàng trước đây đã gặp phải, ưu tiên bán hàng thu tiền ngay, chú trọng vào chỉ tiêu lợi nhuận.

+ Công ty tập trung vào việc thu hồi công nợ dưới các hình thức khác nhau nên sản lượng kinh doanh giảm đáng kể so với cùng kỳ năm trước.

+ Trong năm, Công ty ghi nhận việc tăng doanh thu từ việc chuyển nhượng Tòa nhà 39A Ngô Quyền (tài sản đã ký Hợp đồng chuyển nhượng năm 2016 nhưng nhận hết tiền và bàn giao trong năm 2017).

- Tổng các khoản đầu tư của Công ty là 219,37 tỷ (gồm đầu tư tài chính dài hạn là 198,37 tỷ; đầu tư dài hạn khác là 21 tỷ), trong khi đó, vốn chủ sở hữu là 94,22 tỷ với nguyên nhân vẫn do ảnh hưởng của các khoản đầu tư từ những năm trước kém hiệu quả, các đơn vị thuê thiết bị ODA phần lớn hoạt động không hiệu quả, không đủ nguồn để trả nợ Công ty, ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh của Công ty. Theo quy định hiện hành, Công ty đã phải thực hiện trích lập dự phòng đầu tư tài chính của một số đơn vị theo chế độ do các đơn vị này có hoạt động kinh doanh lỗ. Vì vậy, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam vẫn chưa giải quyết được những khó khăn từ việc mất cân đối tài chính và những vướng mắc còn tồn đọng trong hoạt động của công ty, số lỗ lũy kế tính đến 31/12/2017 vẫn còn hơn 100 tỷ đồng.

- Mặc dù có nguồn thu từ việc chuyển nhượng tài sản làm giảm chi phí lãi vay nhưng chi phí tài chính tăng 31,3% so với năm 2016 chủ yếu là do chênh lệch tỷ giá đồng NDT tăng (khoản đầu tư bằng nguồn vốn ODA Trung Quốc).

- Do ảnh hưởng từ những năm trước, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam vẫn phải sử dụng vốn ngắn hạn để đầu tư dài hạn. Vì vậy, việc vay vốn ngắn hạn với lãi suất cao để đầu tư dài hạn từ trước đây là không hiệu quả do một số đơn vị kinh doanh không hiệu quả nên không chia cổ tức theo tỷ lệ vốn góp. Tuy nhiên, có đơn vị liên doanh như Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina là đơn vị đầu tư rất hiệu quả và phát triển vững chắc, các năm trở lại đây đều chia cổ tức ở mức cao.

- Chi phí quản lý trong năm tăng cao do phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định.

- Nợ phải thu ngắn hạn là 86,85 tỷ, tăng 26,07% so với cùng kỳ, trong đó nợ phải thu khách hàng là 84 tỷ, khách hàng chiếm dụng vốn lớn nhất là Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn (là công ty liên kết của Công ty) với dư nợ là 43,87 tỷ, Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long dư nợ là 7,66 tỷ. Vì vậy, Công ty đã trích lập đầy đủ dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định. Đồng thời, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam đã khởi kiện ra Tòa án đối với Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn và thuê dịch vụ đòi nợ một số khoản nợ khó đòi khác.

- Hơn nữa, việc sản xuất két bia tại xưởng Củ Chi không hiệu quả do sử dụng máy móc thiết bị cũ, sửa chữa nhiều, tiêu hao nguyên vật liệu, năng lượng lớn, đơn hàng không được liên tục và khách hàng yêu cầu nâng cấp nhà xưởng sản xuất, đầu tư thay thế khuôn mẫu cũ, thực hiện công tác iso, đầu tư hệ thống phòng cháy chữa cháy. Chính vì vậy, Công ty đã dừng sản xuất két nhựa tại Củ Chi, giải quyết chế độ chính sách cho người lao động theo quy định, thanh lý hàng tồn kho… chấm dứt hoạt động nhằm ngăn chặn lỗ phát sinh. Đồng thời, với bộ máy VPĐD cồng kềnh, Công ty đã thực hiện tinh giảm nhân sự, trả lại nhà, đất tại 18C Phạm Đình Hổ. Tuy nhiên, việc hoàn trả diện tích chưa được hoàn tất, Công ty vẫn phải trả tiền thuê nhà, đất do chưa bàn giao toàn bộ diện tích nhà, đất cho cơ quan quản lý (trước đây Ban Lãnh đạo Công ty đã điều động nhà cho cán bộ của cơ quan ở từ năm 1992)

- Lợi nhuận trong năm tăng đột biến so với cùng kỳ năm trước chủ yếu đến từ việc chuyển nhượng Tòa nhà 39A Ngô Quyền và cổ tức được chia từ các công ty liên doanh.

1.2. Kết quả hoạt động của các công ty con

- Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước:
  - Doanh thu thực hiện 65,70 tỷ đồng, tăng 32,7% so với năm trước
  - Lợi nhuận trước thuế đạt 1,4 tỷ đồng, giảm 33,3% so với năm trước

Năm 2017 là năm khó khăn nhất đối với Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước trong mấy năm trở lại đây. Đó là do giá nguyên liệu đầu vào khan hiếm và tăng gần gấp đôi. Cuối năm, đơn vị không mua được nguyên liệu để sản xuất do hạn chế về nguồn cung. Trung Quốc ban hành lệnh cấm sử dụng phế liệu để sản xuất, do đó các nhà máy sản xuất tấm PC ở Trung Quốc đã thâm nhập sang thị trường Việt Nam để sản xuất. Cụ thể, cuối năm 2017 đã có 08 nhà máy PC và 04 nhà thương mại tấm PC lớn của Trung Quốc đã có mặt tại Việt Nam tạo nên sự cạnh tranh rất khốc liệt. Đồng thời cũng do năm 2017, đơn vị đầu tư dây chuyền sản xuất tấm PC đặc. Vì vậy lợi nhuận năm 2017 giảm tương đối nhiều so với cùng kỳ năm trước.

- Công ty TNHH MTV Thương mại và dịch vụ Nhựa Việt Nam

  Không phát sinh, do đang thực hiện hoàn thuế trước khi giải thể.

- Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An:
  - Doanh thu thực hiện: Không phát sinh doanh thu bán hàng, chỉ tập trung thu đòi công nợ.
  - Lợi nhuận trước thuế: -1,7 tỷ đồng do phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định.
- Công ty TNHH MTV Thương mại và dịch vụ Nhựa số 1
  - Doanh thu thực hiện: Không phát sinh doanh thu bán hàng, chỉ tập trung thu đòi công nợ.
  - Lợi nhuận trước thuế: -0,9 tỷ đồng do phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định.

1.3. Kết quả hoạt động của các Công ty liên doanh, liên kết:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty liên doanh, liên kết ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động của Công ty CP Nhựa Việt Nam do vốn góp của công ty vào các công ty liên doanh, liên kết chiếm trên 80% vốn điều lệ của công ty.

- *Công ty Cổ phần TNHH liên doanh Việt Thái Plastchem*
  - Doanh thu thực hiện 299,0 tỷ đồng, giảm 14% so với năm trước
  - Lợi nhuận trước thuế: -1.7 tỷ đồng (năm trước lãi 21,7 tỷ đồng)
- *Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC vina*
  - Doanh thu thực hiện 4.147,6 tỷ đồng, tăng 15,8% so với năm trước
  - Lợi nhuận trước thuế: 270,1 tỷ đồng, tăng 16,6% so với năm trước

- *Công ty Cổ Phần Nhựa Youl Chon Vina*
  - Doanh thu thực hiện 456,8 tỷ đồng, tăng 0,4% so với năm trước.
  - Lợi nhuận trước thuế: 3,3 tỷ đồng, tăng 73,7% so với năm trước
- *Công ty Cổ Phần Nhựa Vân Đồn*
  - Doanh thu thực hiện 690,3 tỷ đồng, tăng 7,7% so với năm trước
  - Lợi nhuận trước thuế: 2,1 tỷ đồng, tăng 46,5% so với năm trước

2. Hoạt động đầu tư

Trong năm, Công ty không triển khai dự án đầu tư mới, tiếp tục thực hiện Dự án khuôn mẫu và trục in bằng nguồn vốn ODA của Chính phủ Trung Quốc.

3. Hoạt động tài chính, thoái vốn:

- Việc thoái vốn tại một số Công ty chưa triển khai được theo đúng tiến độ:

- Công ty Cổ phần Nhựa YoulChon Vina: Công ty đang thuê đơn vị tư vấn thực hiện và dự kiến hoàn tất trong năm 2018
- Các công ty khác như Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước, Công ty Cổ phần Nhựa và Hóa chất TPC Vina, Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn đã có chủ trương thoái vốn trước đây nhưng chưa tìm được đối tác chuyển nhượng hay còn vướng một số thủ tục.
- Khoản đầu tư dài hạn khác vào dự án "Trụ sở, văn phòng trưng bày sản phẩm, nhà để xe và nhà ở để bán cho cán bộ công nhân viên trị giá 21 tỷ (29%): Đối tác nhận chuyển nhượng đã nộp nợ gốc tiền thuế, đang hoàn tất các thủ tục xin phép theo quy định và Chủ đầu tư (Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long) chưa tiến hành bàn giao đất. Vì vậy, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam vẫn chưa nhận được tiền tiền từ khoản chuyển nhượng này.

4. Công tác nghiên cứu - đào tạo:

Tiếp tục thực hiện các đề tài đã được duyệt với mục tiêu đảm bảo chi lương một phần cho lao động của Trung tâm và làm tiền đề cho việc triển khai phát triển ngành nhựa:

- Đề tài: "Nghiên cứu quy trình tái chế nhựa PET để sản xuất dây đai đóng kiện phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam "
- Đề tài: "Nghiên cứu sản xuất tấm nhựa Polycarbonat chống lão hóa và chống tia cực tím trong điều kiện khí hậu Việt Nam "

II. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam nhiệm kỳ 2013-2018

1. Kết quả sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2013-2018

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2013	TH 2014	TH 2015	TH 2016	TH 2017
Doanh thu thuần	Tỷ.đồng	492,7	371,1	296,9	189,35	149,63
Doanh thu tài chính	Tỷ.đồng	7,9	30,8	24,8	18,93	61,06
Chi phí tài chính	Tỷ.đồng	118,9	31,2	26,3	15,88	20,85
Trong đó CP lãi vay	Tỷ.đồng	*30,7*	22,3	18,7	13,52	9,77
Chi phí bán hàng	Tỷ.đồng	5,7	3,5	2,8	4,07	2,34
Chi phí quản lý DN	Tỷ.đồng	42,1	14,0	8,2	(3,65)	34,73
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đồng	- 158,2	-10,2	- 0,8	2,22	88,33
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	- 158,2	-10,2	- 0,8	2,22	71,36
Cổ tức	Đồng/CP	0	0	0	0	0

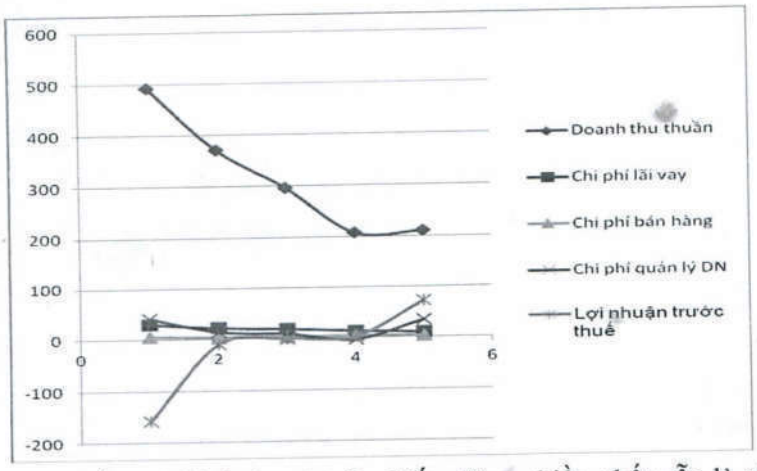

Theo kết quả kinh doanh trên, biến động nhiều nhất vẫn là chỉ tiêu doanh thu theo chiều hướng sụt giảm và chỉ tiêu lợi nhuận theo chiều hướng đi lên. Doanh thu sụt giảm như vậy là do trước đây Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam là đại lý độc quyền, bao tiêu toàn bộ sản phẩm của Công ty Cổ phần Nhựa Youl Chon Vina. Kể từ tháng 3/2014 Hợp đồng đại lý độc quyền hết hạn, Công ty không còn là đại lý độc quyền nữa nên sản lượng bán hàng sụt giảm, Công ty CP Nhựa Youl Chon Vina cũng ngưng bán hàng tiếp cho Công ty vì Công ty còn một khoản nợ lớn tiền mua hàng mà cho tới nay vẫn chưa thanh toán. Hiện Công ty đang từng bước cải thiện doanh thu bằng việc làm đại lý cho doanh nghiệp sản xuất bao bì khác. Ngoài trừ lợi nhuận bất thường năm 2017 do việc bán tài sản thì lợi nhuận đạt được tuy chưa nhiều nhưng đã từng bước ngăn chặn lỗ phát sinh, gánh nặng chủ yếu vẫn do phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi và đánh giá chênh lệch tỷ giá từ hậu quả của việc đầu tư máy móc thiết bị ODA ít nhất đến năm 2022.

2. Tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam nhiệm kỳ 2013-2018

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện hàng năm				
			2013	2014	2015	2016	2017
1.	Tổng nợ vay ngân hàng	Tr. đồng	299.943	291.885	265.904	167.390	147.248
2.	Tổng nợ phải trả	Tr. đồng	403.347	405.518	385.839	358.684	299.218
3.	Hệ số nợ		12,66	18,68	18,28	15,69	3.18
4.	Nợ ngắn hạn	Tr. đồng	286.201	307.940	306.786	300.687	254.475
5.	Nợ dài hạn	Tr. đồng	117.145	97.578	79.053	57.997	44.466
6.	Tổng tài sản	Tr. đồng	435.217	427.229	406.949	381.546	393.441
7.	Vay và nợ ngắn hạn	Tr. đồng	182.798	194.307	186.851	109.393	102.782
8	Vay và nợ dài hạn	Tr. đồng	117.145	97.578	79.053	57.997	44.743
9	Hệ số khả năng TT NH		0,42	0.45	0.55	0.51	0.78
10	Hệ số khả năng TT TQ		1.08	1.05	1.05	1.06	1.31
11	EPS	Ng. đồng	(8.14)	(0.53)	(0.04)	0.11	3.67
12	Giá trị sổ sách (BV)	Ng.đồng	1.64	1.08	1.06	1.18	4.85
13	ROA	%	-31.94	-2.36	-0.18	0.56	18.41
14	ROE	%	-140.71	-38.13	-3.73	10.13	121.89
15	TS sinh lợi/DTT (ROS)	%	-32.11	-2.75	-0.26	1.18	47.69
16	TS LN gộp (GOS)	%	3.53	2.04	3.88	0.41	1.71

Qua số liệu trên, các chỉ số tuy có cải thiện hơn trong hai năm trở lại đây nhưng quy mô tài sản ngày càng giảm, nguồn vốn chủ yếu là vốn vay, vốn chủ sở hữu chiếm tỷ lệ thấp, hệ số nợ lớn.

III. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 và những năm tiếp theo

1. Kế hoạch năm 2018 và mục tiêu nhiệm kỳ 2018-2023

- **<u>Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018</u>**

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2018
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	211,00
Doanh thu thuần	Tỷ.đồng	138,00
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đồng	8,6
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	8,6
Cổ tức	Đồng/CP	0

Năm 2018, Công ty dự kiến duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh hiện có, ưu tiên đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; tiến hànhthoái vốn tại Công ty Cổ phần Nhựa YoulChon Vina và Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn.

- **Ảnh hưởng của nguồn vốn vay ODA cho những năm tiếp theo**

Từ gánh nặng do đầu tư mua sắm máy móc thiết bị bằng nguồn vốn ODA Trung Quốc từ những năm trước nên Công ty vẫn tiếp tục lỗ do phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, chênh lệch tỷ giá, việc đầu tư không có hiệu quả, các đơn vị thuê không có doanh thu từ việc thuê thiết bị mang lại nên không có khả năng để trả nợ.

Số tiền thuê máy móc thiết bị ODA đến hết năm 2020 như sau:

Năm	Xuất HĐ	
	CNY	VNĐ
Năm 2018	3.374.591	12.385.741.622
Năm 2019	2.800.928	10.646.932.610
Năm 2020	2.795.350	10.926.279.350

Vì vậy, dự kiến kế hoạch năm tiếp theo, Công ty vẫn tiếp tục bị lỗ một khoản do phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi và đánh giá chênh lệch tỷ giá ODA.

- **Kế hoạch nhiệm kỳ 2018-2023**

Dự kiến kế hoạch những năm tiếp theo từ 2018 - 2023 như sau:

Tổng doanh thu:

+ Năm 2019: tăng khoảng 4% so với năm 2018
+ Năm 2020: tăng khoảng 40% với năm 2019
+ Từ năm 2021: mỗi năm tăng từ 5-7% so với năm liền trước

Doanh thu thuần:

+ Năm 2019: tăng khoảng 30% so với năm liền trước
+ Năm 2020: tăng khoảng 40% với năm 2019
+ Từ năm 2021: mỗi năm tăng từ 5-7% so với năm liền trước

Lợi nhuận trước thuế

+ Năm 2019: > 1 tỷ đồng
+ Từ năm 2020: lợi nhuận đạt được ít nhất là 9 tỷ đồng, mỗi năm tăng ít nhất 2,5% so với năm liền trước

2. Nhiệm vụ và giải pháp hoàn thành kế hoạch

- Tập trung vào các ngành nghề kinh doanh chính, trước mắt đẩy mạnh kinh doanh nguyên liệu nhựa, kinh doanh màng BOPP, kinh doanh chuỗi cách điện. Đẩy mạnh công tác dự báo, nghiên cứu thị trường để xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả, trong đó cân đối với nguồn vốn để thu được lợi nhuận cao nhất.

- Thực hiện một số dự án đầu tư mới sản phẩm có thể sản xuất, tiêu thụ trong nước để thay thế hàng nhập khẩu hoặc các sản phẩm kỹ thuật cao, tận dụng được nguồn phế liệu để sử dụng lại như một nguồn nguyên liệu nhựa trong sản xuất sản phẩm nhựa với suất đầu tư nhỏ, có hiệu quả trên cơ sở cân đối được các nguồn vốn, nhu cầu thị trường và tận dụng cơ sở hạ tầng, kinh nghiệm sẵn có.

- Tiếp tục trình xin ý kiến Bộ Tài chính và các cấp có thẩm quyền tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp đối với những tồn tại trước đây ảnh hưởng lớn đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp như xin xử lý rủi ro đối với khoản nợ ODA của Chính phủ Trung Quốc do sử dụng không có hiệu quả khoản vay này; xử lý chênh lệch tỷ giá; giãn khấu hao ODA,…

- Triển khai các giải pháp đẩy mạnh công tác thu đòi công nợ cũng như siết chặt công tác bán hàng để giảm thiểu rủi ro, bảo toàn và phát triển vốn.

- Tiếp tục rà soát sắp xếp, tổ chức lại bộ máy tinh gọn, hiệu quả; đào tạo cũng như tuyển dụng, bổ sung thay thế lao động cho các phòng, ban, phân xưởng nhằm đáp ứng yêu cầu công việc.

- Thực hiện tốt, đầy đủ chức năng công bố thông tin để thông tin của doanh nghiệp kịp thời đến cổ đông và các nhà đầu tư.

- Trình xin ý kiến các cấp có thẩm quyền tiến hành thoái vốn tại Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn ngay trong năm 2018.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:
- SCIC;
- Các TV HĐQT, BKS;
- Lưu VP, KHĐT, Thư ký Cty.

Phan Trung Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN
NHỰA VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----oOo-----

TP.Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2018

BÁO CÁO CÔNG TÁC QUẢN TRỊ CỦA HĐQT NHIỆM KỲ 2013-2018 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG CÔNG TÁC QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2018-2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam

Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (HĐQT) xin báo cáo tình hình hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2013-2018 và phương hướng nhiệm kỳ 2018-2023 nhằm đưa ra hướng mới trong hoạt động kinh doanh, đem lại lợi ích thiết thực cho Quý vị cổ đông.

I. Đánh giá hoạt động của HĐQT năm 2017 và nhiệm kỳ 2013-2018

1. Nhân sự

Tại Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2013 (nhiệm kỳ 2013-2018), HĐQT đã được Quý cổ đông tín nhiệm bầu chọn 05 thành viên vào ngày 28/6/2013:

- Ông Lê Hoàng - Chủ tịch HĐQT
- Ông Phan Trung Nam - TV HĐQT
- Bà Vũ Thị Minh Thục - TV HĐQT
- Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - TV HĐQT
- Ông Đỗ Văn Hiếu - TV HĐQT

Ngày 27/6/2016, ĐHĐCĐ đã miễn nhiệm thành viên HĐQT độc lập đối với bà Nguyễn Thị Thanh Hương và bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT là bà Trần Thị Oánh.

Ngày 01/7/2016, bà Vũ Thị Minh Thục được bầu làm Thư ký Công ty thay thế bà Nguyễn Thị Thanh Hương.

Ngày 21/6/2017, ĐHĐCĐ bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT là bà Lê Thị Ngọc Diệp, nâng tổng số thành viên HĐQT là 06 thành viên.

2. Cổ đông

Ngày 18/8/2015, hơn 19,4 triệu cổ phiếu VNP của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam chính thức giao dịch trên thị trường UPCOM với giá tham chiếu 2.000 đồng/cổ phiếu.

Ngày 06/3/2017, Bộ Công Thương và Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) ký Biên bản chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam từ Bộ Công Thương về SCIC.

Tính đến ngày 31/12/2017, cơ cấu cổ đông của Công ty như sau: (Tỷ lệ cổ đông Nhà nước chiếm 65,85% cơ cấu vốn điều lệ của Công ty:

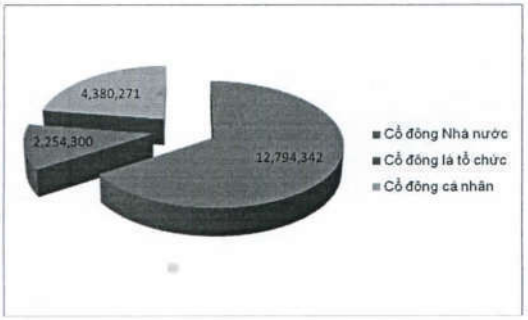

3. Hoạt động của HĐQT

3.1. Hoạt động của HĐQT

HĐQT hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua. Các cuộc họp HĐQT đều có sự tham gia của Ban Kiểm soát.

Hàng năm, HĐQT đã báo cáo ĐHĐCĐ về hoạt động của mình, giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành Công ty.

HĐQT đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc ổn định tổ chức bộ máy, ban hành các quy định, quy chế đáp ứng yêu cầu điều hành sản xuất kinh doanh của công ty theo phân cấp và Điều lệ Công ty.

Các thành viên HĐQT đã đóng góp ý kiến xác thực theo nội dung đặt ra, đồng thuận cao theo thẩm quyền về các quyết định và nỗ lực trong việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ cũng như các quy chế, quy định quản trị nội bộ của Công ty.

3.2. Tổng kết các cuộc họp và các Nghị quyết của HĐQT

Trong năm 2017, HĐQT đã có 09 phiên họp và lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, quyết định những nội dung tiêu biểu, quan trọng sau đây:

- Quyết định việc cấp, sử dụng, gia hạn hạn mức tín dụng.

- Thông qua sửa đổi Điều lệ công ty con; thay đổi người đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Công ty CP Nhựa Việt Nam tại các công ty liên doanh, liên kết.

- Ban hành Quy chế tạm ứng và thanh toán tạm ứng

- Phê duyệt kế hoạch và nội dung tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2017

- Kiểm điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2016 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017

- Quyết định lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017.

Nhiệm kỳ 2013-2018, tính đến ngày 20/4/2018 (ngày hết hạn công bố Báo cáo thường niên năm 2017), HĐQT đã họp tổng cộng 56 phiên họp.

3.3. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017

Năm 2017, số tiền thù lao đã chi cho HĐQT và Ban kiểm soát là 307.200.000 đồng bằng 100 % tổng thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát đã được phê duyệt tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 ngày 21/6/2017, cụ thể:

STT	Đơn vị	Tổng thù lao (VNĐ)
1	Hội đồng quản trị	199.200.000
2	Ban kiểm soát	99.000.000
	Tổng cộng	**298.200.000**

Chi tiết như sau:

- **Hội đồng Quản trị : 199.200.000 đồng**
  - Ông Lê Hoàng : 27.000.000 đồng
  - Ông Phan Trung Nam : 32.400.000 đồng
  - Bà Vũ Thị Minh Thục : 32.400.000 đồng
  - Ông Đỗ Văn Hiếu : 32.400.000 đồng
  - Bà Trần Thị Oánh : 32.400.000 đồng
  - Bà Lê Thị Ngọc Diệp : 16.200.000 đồng
- **Ban Kiểm soát : 86.400.000 đồng**
  - Ông Cao Minh Tâm : 36.000.000 đồng
  - Ông Nguyễn Văn Thơm : 25.200.000 đồng
  - Bà Lê Thị Kim Phượng : 25.200.000 đồng
  - Ông Chu Thế Hoàng : 12.600.000 đồng
- **Thư ký HĐQT (bà Thục) : 24.400.000 đồng**

II. Đánh giá kết quả thực hiện năm 2017 và nhiệm kỳ 2013-2018

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017

Năm 2017 là năm mà giá dầu, giá nguyên liệu không ổn định, biến động bất thường, tăng nhẹ trong hai tháng đầu năm, sau đó giảm lại và tăng rất nhanh trong các tháng cuối năm. Đồng thời, do ảnh hưởng của việc tăng tỷ giá cuối năm so với đầu năm nên việc kinh doanh nguyên liệu nhựa của Công ty Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn. Theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán, kết quả SXKD năm 2017 của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2017	Thực hiện		Tỷ lệ (%)	
			Năm 2016	Năm 2017	2017/KH	2017/2016
Doanh thu thuần	Tỷ.đồng	273,09	189,35	149,63	54,79	79,02
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đồng	26,46	2,22	88,33	333,84	3.978,83
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	9,51	2,22	71,36	750,37	3.214,41
Cổ tức	Đồng/CP	0	0	0		

Theo đó,

- Doanh thu và sản lượng giảm, đạt thấp so với kế hoạch đề ra do chủ trương chú trọng vào việc thu hồi công nợ, khuyến khích việc trả ngay tiền mua hàng, giảm thiểu bán hàng trả chậm để hạn chế rủi ro như những năm trước.

Hơn nữa, việc sản xuất két bia tại xưởng Củ Chi không hiệu quả do sử dụng máy móc thiết bị cũ, sửa chữa nhiều, tiêu hao nguyên vật liệu lớn, đơn hàng không được liên tục bởi sản phẩm khó cạnh tranh với các đối thủ,...nên Công ty đã chấm dứt hoạt động vào cuối năm 2017 để bảo toàn vốn.

- Lợi nhuận tuy tăng vượt bậc so với năm trước nhưng chủ yếu là do đóng góp từ cổ tức được chia của các công ty liên doanh và từ việc chuyển nhượng tòa nhà tại 39A Ngô Quyền.

2. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2013-2018

Kết quả 5 năm 2013-2018 của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam như sau:

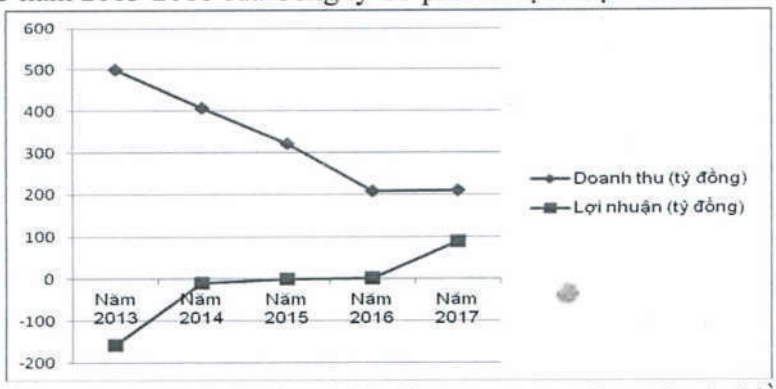

Như vậy, chỉ tiêu doanh thu thực hiện không tăng trưởng và có chiều hướng ngày càng giảm, năm 2017 giảm 69,62% so với năm 2013 nhưng lợi nhuận ngày càng tăng. Nếu không tính phần lợi nhuận thu được từ việc bán tài sản thì lợi nhuận mặc dù chưa cao, chưa chi trả được cổ tức cho cổ đông nhưng đã ngăn chặn được lỗ phát sinh và từng bước giảm lỗ lũy kế.

Ngoài việc dừng hoạt động các công ty con thua lỗ, tinh giảm bộ máy, Công ty đã tận dụng mặt bằng hiện có, trả lại diện tích thuê văn phòng tại Bến Vân Đồn và diện tích nhà không có nhu cầu sử dụng tại 18C Phạm Đình Hổ (mặc dù chưa hoàn trả được toàn bộ diện tích nhà sạch nhà trống do trước đây Ban Lãnh đạo Công ty bố trí cho các hộ dân sinh sống nên biên bản bàn giao vẫn chưa được xác nhận).

Việc thoái vốn tại một số công ty như Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn, Công ty TNHH TPC Vina và Công ty Cổ phần Nhựa Youl Chon Vina: có đơn vị chưa triển khai được, có đơn vị đang thực hiện dang dở do có sự chuyển giao đại diện quản lý vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam. Đồng thời, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam cũng nằm trong danh mục thoái vốn năm 2018 theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

Hậu quả của việc đầu tư máy móc thiết bị bằng nguồn vốn ODA của Trung Quốc đã, đang và vẫn tiếp tục là gánh nặng đối với Công ty. Đến nay, hầu hết các đơn vị đã có văn bản đề nghị trả lại thiết bị do khai thác không có hiệu quả trong khi công ty vẫn phải xuất hóa đơn, trích lập dự phòng phải thu khó đòi và đánh giá chênh lệch tỷ giá theo quy định.

3. Kết quả giám sát Ban điều hành

Trong nhiệm kỳ 2013-2018, Ban điều hành Công ty có sự thay đổi:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc
01	Ông Lê Hoàng	CT HĐQT	05/07/2013	30/6/2016
02	Ông Phan Trung Nam	TV HĐQT	01/7/2016	

Theo Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt ngày 27/6/2016, Ông Lê Hoàng và Ông Phan Trung Nam đều là đại diện theo pháp luật của Công ty nhưng có sự phân nhiệm rõ ràng, cụ thể.

Đánh giá chung về hoạt động của Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

- Ban Tổng giám đốc đã thể hiện được vai trò chỉ huy, hoàn thành nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật và phối hợp tốt với Chủ tịch HĐQT theo quy chế hoạt động, thực hiện đúng quyền hạn theo Điều lệ Công ty và theo ủy quyền của HĐQT.

- Trong điều hành, Ban Tổng Giám đốc thực hiện báo cáo đúng chế độ và thông tin kết quả sản xuất kinh doanh theo yêu cầu của HĐQT. Ban Tổng Giám đốc duy trì đều đặn chế độ giao ban định kỳ với đội ngũ cán bộ quản lý để đánh giá, đôn đốc, tiến độ thực hiện nghị quyết HĐQT. Ban Giám đốc đã chỉ đạo quyết liệt và tập trung triển khai các giải pháp về hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị cũng như các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn cho đơn vị theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ đúng Điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật.

Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh đảm bảo gắn thu nhập của người lao động với kết quả kinh doanh của công ty, bước đầu cải cách được việc làm và tiền lương, đảm bảo đời sống người lao động, nâng cao ý thức, kỷ luật lao động.

Tuy nhiên, HĐQT đánh giá Ban Giám đốc vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần khắc phục như sau:

- Mặc dù Ban Tổng Giám đốc đã cho nghiên cứu thị trường, lập một số dự án đầu tư nhằm đa dạng hóa sản phẩm nhưng vẫn chưa triển khai được nên sản lượng sản xuất kinh doanh ngày càng giảm.

- Công nợ phải thu vẫn chiếm tỷ lệ lớn.

III. Mục tiêu, kế hoạch hoạt động năm 2018 và nhiệm kỳ 2018-2023

1. Kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2018

Căn cứ tình hình thị trường trong nước và quốc tế, căn cứ nội lực của công ty và những hệ quả của việc đầu tư từ những năm trước, HĐQT thống nhất đề xuất chỉ tiêu SXKD chủ yếu năm 2018 với các chỉ tiêu cơ bản:

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2018
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	211,00
Doanh thu thuần	Tỷ.đồng	138,00
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đồng	8,6

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2018
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	8,6
Cổ tức	Đồng/CP	0

2. <u>Kế hoạch tái cơ cấu tổng thể, phương hướng nhiệm kỳ 2018-2023</u>

2.1. Mục tiêu nhiệm kỳ 2018-2023:

Nhiệm kỳ năm 2013-2018, HĐQT và Ban điều hành đã nỗ lực ổn định tình hình mất cân đối tài chính của Vinaplast, cắt giảm nợ vay ngắn hạn, tái cơ cấu các khoản nợ phải trả ngắn hạn, tinh giảm bộ máy nhân sự, từng bước giảm thiểu lỗ lũy kế qua các năm.

Tuy nhiên do ảnh hưởng từ dự án vay vốn ODA Trung Quốc của Ngân hàng Phát triển không đạt hiệu quả nên đến thời điểm 31/12/2017, Vinaplast vẫn còn lỗ lũy kế lớn.

Trong bối cảnh nhiệm kỳ 2018-2023 có nhiều khó khăn và tồn tại cần giải quyết, HĐQT và Ban Điều hành trình ĐHCĐ thông qua phương hướng mục tiêu cho nhiệm kỳ 2018-2023 như sau:

1. Tháo gỡ các tồn tại, khắc phục tình trạng mất cân đối tài chính;

2. Tái cơ cấu hoạt động kinh doanh và đầu tư; Củng cố, tăng cường hoạt động sản xuất, từng bước phát triển sản phẩm và phát triển thị trường trong ngành nhựa, bao bì.

3. Khắc phục lỗ lũy kế, bảo toàn và phát triển vốn của Vinaplast; Ổn định việc làm và các chế độ cho người lao động.

2.2. Phương hướng, kế hoạch hoạt động

Trên cơ sở mục tiêu đề ra trong nhiệm kỳ 2018 – 2023 (nêu trên), HĐQT đề xuất phương hướng, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ mới cụ thể như sau:

2.2.1. Về ngành nghề sản xuất kinh doanh

a. Hoạt động kinh doanh thương mại

- Trong bối cảnh tình hình cạnh tranh mạnh tại thị trường nhựa trong nước, sự bất ổn định và liên tục tăng cao của giá nguyên liệu trong nước và trên thế giới dẫn đến việc kinh doanh thương mại các thành phẩm, sản phẩm về Nhựa gặp nhiều khó khăn, tiềm ẩn nhiều rủi ro (phát sinh công nợ, quay vòng tồn kho chậm...). Trong nhiệm kỳ mới 2018-2023, Công ty tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh thương mại (nguyên liệu nhựa, kinh doanh màng BOPP, kinh doanh chuỗi cách điện) nhưng tập trung tăng cường hiệu quả và đảm bảo an toàn về vốn. Tăng cường công tác dự báo, nghiên cứu thị trường để xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả, tăng cường biện pháp quản lý công nợ, công tác bán hàng để giảm thiểu rủi ro nợ khó đòi, tăng vòng quay của vốn kinh doanh. Có thể tìm kiếm và phát triển thị trường kinh doanh các mặt hàng khác trong cùng ngành phù hợp với điều kiện của Công ty.

b. Hoạt động sản xuất:

- Trước tình hình kinh doanh thương mại gặp nhiều khó khăn do nguồn nguyên liệu đầu vào thường xuyên biến động trong những năm gần đây và sự cạnh tranh gay

gắt của các doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ về ngành nhựa, để xây dựng phương hướng phát triển bền vững cho Công ty, HĐQT đề xuất trong nhiệm kỳ mới sẽ thực hiện đầu tư và phát triển hoạt động sản xuất để tạo ra sản phẩm riêng của Vinaplast. Việc sản xuất sản phẩm trong lĩnh vực nhựa sẽ phát huy kinh nghiệm, lợi thế của Công ty, tăng sức cạnh tranh và tạo chỗ đứng cho doanh nghiệp trên thị trường.

- Việc xem xét, xác định sản phẩm đưa vào sản xuất dựa trên cơ sở:

+ Kinh nghiệm tích lũy trong ngành nhựa (quản lý doanh nghiệp trong ngành, tiêu thụ sản phẩm …)

+ Đã thực hiện một số công đoạn nghiên cứu, thử nghiệm sản phẩm

+ Điều tra, tìm hiểu nhu cầu thị trường và đánh giá năng lực của nhà cung cấp tiềm năng

+ Cơ sở vật chất về mặt bằng và nguồn lao động sẵn có.

- Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị đề xuất thông qua chủ trương đầu tư trong giai đoạn 2018-2023:

+ 02 phương án đầu tư sản xuất bao bì: quy mô vốn đầu tư ở mức thấp, tuy nhiên tạo ra sản phẩm có khả năng tham gia thị trường bao bì dạng mỏng hiện chủ yếu phải nhập khẩu.

+ 02 dự án đầu tư xây dựng nhà máy: theo hướng tham gia vào thị trường sản phẩm sinh học, tái chế phế liệu nhựa là định hướng đang được Nhà nước khuyến khích nhằm bảo vệ môi trường, đồng thời mang lại hiệu quả cho Công ty.

- Căn cứ tình hình tài chính và kết quả nghiên cứu, đánh giá thận trọng, HĐQT sẽ xây dựng phương án cụ thể cho từng hạng mục đầu tư để trình phê duyệt theo đúng quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

c. Về hoạt động cung ứng dịch vụ:

Với số máy móc thiết bị đã đầu tư từ nguồn vốn vay ODA (Trung Quốc), Công ty đang duy trì hợp đồng cung ứng dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị (Máy ép phun, thiết bị sản xuất khuôn mẫu, trục in ...) tại 05 doanh nghiệp. Tuy nhiên tỷ lệ khai thác máy rất thấp. Đến nay số thiết bị này càng lạc hậu, xuống cấp, nhiều máy móc bị tháo rời, hỏng hóc, không được sử dụng, các đơn vị thuê máy đều đề nghị trả lại cho VINAPLAST. Sản phẩm của dự án và hiệu quả tài chính mang lại từ dự án vay vốn ODA không đạt được mục tiêu và kế hoạch đã lập ban đầu. Do vậy, Công ty cần làm việc với các đối tác về vấn đề thực hiện hợp đồng, đồng thời đề xuất Ngân hàng Phát triển phương án xử lý số thiết bị lưu kho, hư hỏng, nhằm giảm thiểu thiệt hại cho công ty. Như vậy, hoạt động cung ứng dịch vụ chỉ duy trì và có hướng giảm đi trên cơ sở chấp thuận của cơ quan quản lý nợ vay ODA.

d. Hoạt động đầu tư góp vốn ra ngoài doanh nghiệp

Trong bối cảnh tình hình tài chính mất cân đối, thiếu vốn hoạt động sản xuất kinh doanh, HĐQT Vinaplast đề xuất ĐHCĐ thông qua chủ trương thoái vốn của Vinaplast tại các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh không hiệu quả, không mang lại lợi nhuận, cổ tức cho Vinaplast với mục đích thu hồi vốn của Vinaplast, tăng nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh. Kế hoạch thoái vốn trong nhiệm kỳ 2018- 2023 dự kiến như sau:

- Thoái vốn tại YCVN: HĐQT Vinaplast đã ra nghị quyết thực hiện thoái vốn tại YCVN, dự kiến hoàn thành trong tháng 8 năm 2018.

- Thoái vốn tại CTCP Nhựa Vân Đồn: HĐQT dự kiến xây dựng phương án thoái vốn Vinplast tại Nhựa Vân Đồn trong năm 2018. Thủ tục quy trình thực hiện sẽ được thực hiện theo đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- Đẩy nhanh tiến hành các thủ tục thu hồi công nợ, thực hiện các thủ tục giải thể đối với các công ty con đã ngừng hoạt động (bao gồm: Công ty TNHH MTV Thương mại và dịch vụ Nhựa, Công ty TNHH MTV Thương mại và dịch vụ nhựa Trường An và Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Nhựa Việt Nam).

- Đối với các khoản đầu tư khác của Vinaplast: Căn cứ vào hiệu quả đầu tư, tình hình tài chính và nhu cầu của Vinaplast, Công ty sẽ tiếp tục nắm giữ vốn hoặc xem xét thoái vốn vào thời điểm thích hợp. Thủ tục quy trình thực hiện sẽ được thực hiện theo đúng quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Với phương hướng cho từng mảng hoạt động như trên, cơ cấu hoạt động kinh doanh của Vinaplast sẽ chuyển dịch theo hướng:

- Đẩy mạnh hoạt động sản xuất, tạo ra sản phẩm riêng của Công ty. Gia tăng tỷ trọng đóng góp của hoạt động sản xuất vào doanh thu, lợi nhuận của Công ty.

- Duy trì hoạt động kinh doanh thương mại đảm bảo an toàn vốn và hiệu quả về lợi nhuận.

- Duy trì hoạt động đầu tư (đồng thời tăng cường chất lượng quản trị) đối với vốn góp tại các doanh nghiệp đang kinh doanh hiệu quả/có tiềm năng để tối đa hóa lợi ích cho Vinaplast. Giảm tỷ trọng giá trị đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp trên tổng tài sản của doanh nghiệp.

Với định hướng phát triển sản xuất kinh doanh của nhiệm kỳ 2018-2023 như trên, Công ty phấn đấu đạt *mức tăng trưởng lợi nhuận trước thuế bình quân 7%/năm.* Trên cơ sở tình hình sản xuất kinh doanh, thị trường và tiến độ phê duyệt, triển khai hoạt động đầu tư phát triển của Công ty, HĐQT xây dựng chỉ tiêu kế hoạch sản xuất cụ thể từng năm để trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

2.2.2. Về cơ cấu và sử dụng tài sản của Công ty

a. Về cơ cấu tài sản:

- Công ty sẽ điều chỉnh cơ cấu tài sản theo hướng: giảm tỷ trọng giá trị các khoản phải thu và hàng tồn kho thông qua việc tăng cường hiệu quả quản lý công nợ, khách hàng, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang; Giảm tỷ trọng đầu tư tài chính dài hạn (góp vốn tại doanh nghiệp khác) thông qua thoái vốn tại các doanh nghiệp hoạt động không hiệu quả. Đồng thời, việc thực hiện chủ trương đẩy mạnh sản xuất, đầu tư dự án sẽ dẫn tới việc tăng tỷ trọng của Tài sản cố định trong tổng tài sản của Công ty.

b. Về tài sản cố định và nhà đất:

- Công ty nghiên cứu đề xuất biện pháp tháo gỡ, xử lý hậu quả của số máy móc, thiết bị dự án vay vốn ODA nhằm giảm thiểu thiệt hại, thu hồi vốn cho Công ty.

- Duy trì và tăng cường hiệu quả khai thác của cơ sở nhà đất hiện có.

- Tiếp tục phối hợp với Ủy ban nhân dân và các cơ quan liên quan hoàn thiện hồ sơ pháp lý về đất (chuyển tên trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất) đối với lô đất tại Hải Phòng và tại phường Lê Thị Bạch Cát- TP Hồ Chí Minh.

- Đối với lô đất tại 18C Phạm Đình Hổ, Vinaplast đã làm thủ tục trả nhà đất cho Công ty Quản lý và Phát triển Nhà Hà Nội từ đầu năm 2017 nhưng chưa hoàn tất do Bên Công ty Quản lý và Phát triển Nhà Hà Nội yêu cầu bàn giao toàn bộ diện tích đất thuê theo hiện trạng ban đầu (hiện tại một phần lô đất có các hộ dân đang sử dụng từ năm 1992). Công ty sẽ báo cáo các cơ quan có chức năng để có biện pháp nhằm lấy lại hiện trạng ban đầu, đảm bảo điều kiện trả lại đất cho Công ty Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội.

2.2.3. Về nguồn vốn của Công ty

- Công ty phấn đấu từng bước đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua tăng cường hiệu quả quản lý sử dụng vốn (tiết kiệm chi phí, bố trí vốn cho sản xuất, kinh doanh hợp lý), giám sát chặt chẽ, quản lý nợ phải thu, tích cực xử lý nợ phải thu khó đòi bằng việc quyết liệt đôn đốc thu hồi nợ và sử dụng các biện pháp pháp lý cần thiết.

- Về nợ phải trả: Công ty có biện pháp nhằm tăng khả năng thanh toán, giảm mất cân đối tài chính cho Công ty. Tiếp tục thu xếp nguồn vốn để thực hiện nghĩa vụ trả nợ , giảm chi phí lãi vay, lãi phạt quá hạn, đồng thời tích cực làm việc, báo cáo đề xuất Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Bộ Tài chính xem xét tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, khoanh, giãn nợ ODA Trung Quốc theo hướng:

+ Đề xuất không tính lãi vay và các loại phí theo Hợp đồng.

+ Đề xuất cho phép ưu tiên thanh toán nợ gốc theo Hợp đồng, theo đó HĐQT sẽ xây dựng phương án trả nợ Ngân hàng Phát triển từ năm 2018 - 2022. Nguồn vốn để trả nợ từ lợi nhuận tài chính và thu hồi vốn đầu tư tại các đơn vị liên doanh hoạt động không hiệu quả.

Về khoản lãi chậm nộp tạm tính theo đề nghị của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước với số tiền là 14.618.975.098 đồng phát sinh bởi khoản nợ cổ tức 20.470.947.648 đồng: Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam đề nghị không tính và không hạch toán vào kết quả sản xuất kinh doanh do khoản nợ cổ tức phát sinh nhưng thực chất thời điểm đó Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam lỗ, không có lợi nhuận. Kết quả kiểm toán lại Báo cáo tài chính của Công ty thời điểm 31/12/2013 đã chứng minh bằng số lỗ lũy kế của Công ty là 158 tỷ do các vấn đề tồn tại tài chính từ giai đoạn cổ phần hóa chưa giải quyết xong.

2.2.4. Về quản trị nhân sự, bộ máy

- Hội đồng quản trị luôn bám sát tình hình thực tiễn, cập nhật thông tin, phân tích, dự báo tình hình nền kinh tế, thị trường trong và ngoài nước ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để định hướng, điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể và đề ra các chỉ tiêu kinh tế kịp thời, phù hợp với tình hình.

- Rà soát để xây dựng bổ sung và hoàn thiện các quy chế quản trị nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát từng mảng hoạt động của công ty.

- Tiếp tục rà soát lại toàn bộ hoạt động của các đơn vị, tiết giảm hợp lý chi phí quản lý doanh nghiệp. Tiếp tục kiện toàn, cơ cấu lại bộ máy điều hành, lao động. Kiên quyết xử lý đối với những đơn vị cá nhân yếu kém đồng thời bổ sung điều động, thu hút những nhân tố mới nhằm nâng cao năng lực hoạt động và tạo động lực mới cho các đơn vị.

- Tăng cường vai trò giám sát của Ban Kiểm soát; Hội đồng quản trị thực hiện tốt vai trò định hướng, chỉ đạo, giám sát, phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành, đảm bảo hoạt động quản trị và các hoạt động sản xuất kinh doanh tuân thủ nghiêm các quy định của Pháp luật hiện hành và Điều lệ của Công ty.

- Phát huy vai trò của các tổ chức Đảng đoàn thể trong công ty, xây dựng văn hóa doanh nghiệp tích cực, ổn định môi trường làm việc, khuyến khích người lao động…

- Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục liên quan đến việc đăng ký kinh doanh của Công ty.

HĐQT xin báo cáo ĐHĐCĐ xem xét, thảo luận đóng góp ý kiến, thông qua định hướng phát triển năm 2018 và giai đoạn 5 năm tới ; giao cho HĐQT nhiệm kỳ mới tiếp tục định hướng, lãnh đạo, giám sát chặt chẽ để hoàn thành mục tiêu của công ty và đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. Hội đồng quản trị
Chủ tịch

Lê Hoàng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.HCM, ngày tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017

Về tình hình hoạt động năm 2017 của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam

Kính gửi: Đại hội Cổ đông Công ty CP Nhựa Việt Nam

Căn cứ vào Luật Doanh Nghiệp Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

Căn cứ vào Nghị Quyết Đại Hội Cổ Đông năm 2017

Căn cứ vào quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát được qui định trong điều lệ của Công ty CP Nhựa Việt Nam

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2017 của Ban điều hành Công ty CP Nhựa Việt Nam

Căn cứ vào báo cáo kiểm tóan năm 2017 của Công ty TNHH Kiểm Toán Vaco

Căn cứ vào các báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội Đồng Quản Trị, báo cáo tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch năm 2017 và kết quả kiểm tra giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty CP Nhựa Việt Nam năm 2017

Ban kiểm soát xin báo cáo kết quả kiểm tra giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Nhựa Việt Nam năm 2017 trước đại hội như sau:

I. Về tình hình tài chính của Công ty đến ngày 31/12/2017 thể hiện qua các chỉ tiêu chính như sau:

1. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính:

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017 đã phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Đơn vị tính: triệu đồng

Tài sản	31/12/17	01/01/17	Biến động	
			Số tuyệt đối	Số tương đối %
1	2	3	4 = 2 – 3	5=4/3
A. Tài sản ngắn hạn	198.634	154.044	44.590	29%
I. Tiền	54.015	9.614	44.401	462%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	40.900	41.150	-250	-1%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	86.851	68.890	17.961	26%
IV. Hàng tồn kho	15.608	28.937	-13.329	-46%
V. Tài sản ngắn hạn khác	1.260	5.453	-4.193	-77%
B. Tài sản dài hạn	194.807	227.502	-32.695	-14%
I. Các khoản phải thu dài hạn	21.261	21.251	10	
II. Tài sản cố định	15.046	54.925	-39.879	-73%
III. Tài sản dở dang dài hạn	286	173	113	65%
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	151.217	151.131	86	
V.Tài sản dài hạn khác	6.997	22	6.975	3170%
Tổng cộng tài sản	**393.441**	**381.546**	**11.895**	**3%**
Nguồn vốn				
A. Nợ phải trả	299.219	358.684	-59.465	-17%
I. Nợ ngắn hạn	254.476	300.687	-46.211	-15%
II. Nợ dài hạn	44.743	57.997	-13.254	-23%
B. Vốn chủ sở hữu	94.222	22.862	71.360	312%
I. Vốn chủ sỡ hữu	94.222	22.861	71.361	312%
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	194.289	194.289		
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-100.067	-171.428	71.361	42%
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		1		
Tổng cộng nguồn vốn	**393.441**	**381.546**	**11.895**	**3%**

Nhận xét tình hình:

1. Tổng tài sản tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 tăng so với cùng kỳ năm trước là 11,895 tỷ đồng chiếm khoảng 3%, trong đó gồm các khoản tăng, giảm như sau:

- Khoản tiền tăng 462% tương ứng với số đầu năm là do tại thời điểm cuối năm công ty có các khoản gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngân hàng Nông Nghiệp & Phát triển nông thôn, Ngân hàng TMCP Đầu Tư, Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam, Ngân hàng Hong Leong…

- Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 17,961 tỷ đồng so với đầu năm tương ứng tăng 26%. Trong đó gồm:

+ Tăng khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng 13 tỷ do công ty đã mở rộng mảng kinh doanh nguyên liệu nhựa.

+ Giảm khoản trả trước cho người bán ngắn hạn 700 triệu đồng là do giảm khoản số dư phải trả cho nhà cung cấp dịch vụ.

+ Tăng khoản phải thu ngắn hạn khác so với đầu năm là 31,8 tỷ đồng chủ yếu là lợi nhuận phải thu từ các công ty liên doanh, liên kết.

+ Các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi tăng 25,7 tỷ đồng so với số đầu năm là các khoản trích lập công nợ phải thu do đã quá hạn lâu.

- Hàng tồn kho giảm 13,3 tỷ đồng tương ứng giảm 46%

- Tài sản ngắn hạn khác giảm 4,1 tỷ đồng tương ứng giảm 77% so với số đầu năm chủ yếu là khoản thuế giá trị gia tăng được khấu trừ giảm so với đầu năm.

- Giá trị tài sản cố định giảm 39,8 tỷ đồng tương ứng giảm 73% là do trong năm công ty đã nhượng bán nhà 39 Ngô Quyền, Hà Nội và chuyển giá trị quyền sử dụng đất tại khu Công nghiệp Mỹ Phước 2, Bình Dương.

2. Tổng nguồn vốn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 tăng so với cùng kỳ năm trước là 11,895 tỷ đồng chiếm khoảng 3%, trong đó bao gồm các khoản tăng, giảm như sau:

- Nợ ngắn hạn giảm 46,2 tỷ đồng tương ứng giảm 15% so với đầu kỳ. Trong đó gồm các khoản tăng giảm như sau:

+ Do trong năm công ty đang chiếm dụng vốn của nhà cung cấp là 11,5 tỷ đồng tương ứng tăng 14%

+ Người mua trả tiền trước giảm 57,8 tỷ đồng trong đó có khoản giảm 57,3 tỷ đồng tương ứng là số tiền Công ty TNHH Tài Tâm trả trước cho việc chuyển nhượng nhà 39A Ngô Quyền.

+ Thuế và các khoản phải nộp nhà nước tăng 419 triệu tường ứng tăng 4,1%

+ Chí phí trả trước ngắn hạn tăng 5,59 tỷ đồng tương ứng tăng 30,9% là khoản trích trước chí phí lãi tiền vay và chênh lệch tỷ giá khoản vay máy móc thiết bị ODA tại ngân hàng Phát triển SGD II.

+ Khoản vay ngắn hạn giảm 6,6 tỷ đồng tương ứng giảm 6% là khoản giảm số dư nợ các khoản vay ngắn hạn nhằm tiết giảm chi phí tài chính cho công ty.

- Khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn giảm 13,2 tỷ đồng tương ứng giảm 6% là toàn bộ số dư nợ vay dài hạn máy móc thiết bị ODA phải trả trong năm 2018.

2. Kết quả giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2017	Thực hiện so với kế hoạch
Doanh thu	149.636	273.090	54,80%
Lợi nhuận trước thuế	88.334	26.46	333,84%

Doanh thu năm 2017 so với kế hoạch tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 Công ty chỉ thực hiện đạt 54,8% và lợi nhuận trước thuế đạt 333,84%.

II. Về tổ chức thực hiện công tác kế toán:

- Việc ghi chép, mở sổ, hạch toán nghiệp vụ kế toán theo các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành, lập và nộp báo cáo theo đúng qui định nhà nước, phản ánh chính xác và toàn diện hoạt động tài chính của Công ty.

- Báo cáo tài chính năm 2017 của công ty đã phản ánh chính xác, trung thực, hợp lý tình hình tài chính của công ty tại thời điểm 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017.

- Tổ chức quản lý, lưu trữ chứng từ, sổ sách kế toán theo đúng qui định.

III. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Căn cứ vào Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông thường niên năm 2017, Ban Kiểm soát đã triển khai hoạt động theo đúng quyền hạn, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị với tư cách giám sát và có ý kiến đóng góp trong việc thực hiện các mục tiêu và kế hoạch của Công ty.

- Giám sát việc triển khai, thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ pháp luật của Hội Đồng quản trị và Ban Điều hành công ty.

- Ban Kiểm soát đã tham gia kiểm tra hoạt động báo cáo tài chính định kỳ nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính.

- Phối hợp với phòng Tài Chính Kế toán tham gia công tác kiểm kê định kỳ vào cuối thời điểm báo cáo.

- Xem xét và đánh giá hoạt động của Hội Đồng Quản trị và Ban Điều hành liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính, kế hoạch kinh doanh năm 2017.

- Được sự hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi của Hội Đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban chức năng trong Công ty cho Ban kiểm soát hoàn thành công tác kiểm sóat trong năm.

- Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát năm là: 99.000.000 đồng

Trong đó: Ông Cao Minh Tâm - Trưởng ban: 36.000.000 đồng

Ông Nguyễn Văn Thơm - Thành viên: 25.200.000 đồng

Bà Lê Thị Kim Phượng - Thành viên: 25.200.000 đồng

Ông Chu Thế Hoàng - Thành viên: 12.600.000 đồng

IV . Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017:

- Với sự cạnh tranh kinh doanh vô cùng khốc liệt trên thị trường hiện nay cùng với tình hình tài chính đang mất cân đối trầm trọng của Công ty, Hội Đồng Quản trị và Ban Điều hành đã năng động, linh hoạt bám sát thực tế để có những giải pháp phù hợp, nỗ lực tối đa nhằm giảm thiểu những rủi ro cho Công ty.

- Hội Đồng Quản Trị đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ thường xuyên nhằm đưa ra các quyết định chỉ đạo kinh doanh kịp thời, luôn chủ động kế hoạch quản lý, điều hành kinh doanh, triển khai các cuộc họp và thống nhất về chiến lược, định hướng phát triển kế hoạch kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước và chỉ đạo công tác quản lý trong phạm vi thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị.

- Đã chuyển nhượng quyền sử dụng nhà 39A Ngô Quyền, giúp được công ty phần nào cải thiện được tình hình tài chính cũng như giảm áp lực vay vốn ngân hàng nhờ có dòng tiền thu được từ việc chuyển nhượng trên. Trong năm 2018 đề nghị Hội đồng quản trị nhanh chóng thoái vốn Công ty CP Nhựa YoulChon Vina,

Công ty CP Nhựa Vân Đồn và căn nhắc thời điểm thích hợp để thoái vốn tại Công ty LD TPC Vina để thu hồi vốn đầu tư cũng như tái cấu trúc lại nguồn vốn cho Công ty. Đồng thời đề nghị Hội Đồng Quản trị công ty nhanh chóng xin duyệt kế hoạch kinh doanh trong thời gian tới trình Đại Hội Đồng Cổ Đông, vì hiện tại công ty chưa có thực hiện được một số dự án, phương án đầu tư là nền tảng cho việc phát triển công ty trong tương lai.

V. Phương hướng hoạt động của Ban kiểm sóat 2018:

Thực hiện quyền hạn, trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, theo điều lệ của công ty trong năm 2018 Ban Kiểm soát sẽ tập trung giám sát các nội dung như sau:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp với Hội Đồng Quản trị nhằm giám sát và góp ý việc triển khai và thực hiện các Nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị.
- Giám sát chặt chẽ với Hội Đồng Quản trị, ban Tổng Giám đốc trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động của Ban Kiểm soát.
- Kiểm tra định kỳ báo cáo tài chính 6 tháng và năm của Công ty.
- Kết hợp với Hội đồng quản trị đẩy mạnh công tác quản lý rủi ro, chuẩn hóa các quy định. Giám sát chặt chẽ việc thực hiện các quy định của ban Tổng giám đốc. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị Quyết Đại Hội Cổ đông thường niên đề ra.
- Thực hiện công tác kiểm tra các quy trình hoạt động và quản lý rủi ro nhằm đánh giá công tác điều hành cũng như việc tuân thủ các quy định, quy trình quản lý của Công ty và Pháp luật.

VI. Kiến nghị của Ban Kiểm soát:

- Có kế hoạch tích cực thu hồi các khoản công nợ bán hàng đang chậm thanh toán so với tiến độ của hợp đồng. Các phòng kinh doanh khi bán hàng tránh việc để khách hàng chiếm dụng vốn, tích cực thu hồi các khoản công nợ tồn đọng lâu ngày để tăng vòng quay nguồn vốn lưu động cho Công ty.

- Trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua đề án kinh doanh một cách nhanh chóng để có những kế hoạch, chiến lược đầu tư kinh doanh cụ thể cho công ty nhằm tránh việc bị động và nhỡ các kế hoạch phát triển của công ty. Trong khi chờ đợi phương án được duyệt đề nghị Ban lãnh đạo công ty vẫn duy trì tình hình hoạt động kinh doanh như những năm qua một cách tích cực và hiệu quả nhất.

- Đánh giá lại và có biện pháp xử lý một số thiết bị, tài sản cố định hình thành từ nguồn vốn vay ODA mà hiện nay không sử dụng được, rỉ sét. Cụ thể là dây chuyền thiết bị máy dệt PP.

- Phần máy móc thiết bị ODA hiện nay theo hợp đồng Công ty CP Nhựa Việt Nam đang cho Công ty CP Nhựa Tân Phú, Công ty CP Nhựa Thăng thuê nhưng hai đơn vị này đã có công văn xin trả lại không sử dụng nữa do máy móc thiết bị đã giảm hiệu quả sử dụng. Phòng Tài Chính Kế toán hiện nay vẫn căn cứ vào hợp đồng xuất đơn hàng tháng nhưng thực tế Công ty CP Nhựa Tân Phú không nhận hóa đơn và Công ty CP Nhựa Thăng Long chậm thanh toán. Ban Kiểm soát đề nghị Ban Giám Đốc xem lại việc cho thuê máy móc thiết bị ODA với hai công ty này vì khi xuất hóa đơn công ty phải nộp thuế VAT đồng thời phải trích lập dự phòng công nợ khó đòi do đơn vị không thanh toán cũng như doanh thu cho thuê không phát sinh thực do đơn vị thuê không nhận hóa đơn.

- Nhanh chóng thoái vốn tại Công ty CP Nhựa YoulChon Vina và căn nhắc việc thoái vốn Công ty Liên Doanh TPC Vina tại thời điểm thích hợp nhằm thu hồi vốn đầu tư và tái cấu trúc vốn cho công ty.

- Ban lãnh đạo Công ty nên xem xét và lựa chon phương án sử dụng đồng vốn thu hồi từ việc chuyển nhượng nhà 39A Ngô Quyền một cách hợp lý trong khi chờ đợi phương án tái cấu trúc trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua để đem lại hiệu quả cao nhất.

- Kiểm soát chặt chẽ, thắt chặt các khoản chi phí chưa cấp thiết, nhằm mang lại hiệu quả kinh doanh tối đa.

- Nên có kế hoạch cụ thể và lộ trình định hướng lâu dài về kế hoạch sản xuất kinh doanh cho các năm tiếp theo của dựa trên thực lực tài chính hiện có của Công ty thật phù hợp để nhằm từng bước mang lại hiệu quả.

- Trên đây là báo cáo quá trình kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát, xin báo cáo trước Đại Hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2018.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

TM.BAN KIỂM SÓAT

Cao Minh Tâm

CTY CP NHỰA VIỆT NAM
BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----oOo-----

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 6 năm 2018

TỜ TRÌNH CỦA BAN KIỂM SOÁT
Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Công hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ quy định về tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm Soát Công ty CP Nhựa Việt Nam.*

Ban Kiểm soát Công ty CP Nhựa Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 xem xét, thông qua danh sách đơn vị kiểm toán và ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 cho Công ty theo danh sách sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán VACO (VACO);
- Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA Vietnam);
- Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA);
- Công ty TNHH kiểm toán và Dịch vụ tin học TP.HCM (AISC);
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt (VIETLAND).

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Cao Minh Tâm

CTY CP NHỰA VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----oOo-----

Số: /TTr-NVN-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 6 năm 2018

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Các vấn đề thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Công hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Công hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 của Chính phủ về việc hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;*
- *Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 của Chính phủ;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Nhựa Việt Nam.*

Hội đồng quản trị Công ty CP Nhựa Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua các vấn đề sau:

1.Vấn đề 1: Thông qua báo cáo thường niên năm 2017, bao gồm:

1. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017;
2. Báo cáo Hội đồng quản trị năm 2017;
3. Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2017;
4. Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017;

Với một số chỉ tiêu chính của Báo cáo thường niên năm 2017 như sau:

- Doanh thu thuần của Công ty mẹ : 149,63 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế công ty mẹ : 88,33 tỷ đồng.
- Cổ tức : 0 %.

2.Vấn đề 2: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ năm 2017:

- Lợi nhuận trước thuế công ty mẹ : 88,33 tỷ đồng.
- Chia cổ tức : 0%
- Phân phối Quỹ : 0
- Lợi nhuận còn lại chưa phân phối : 71,36 tỷ đồng.

3.Vấn đề 3: Thông qua Kế hoạch SXKD năm 2018, kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018:

- Doanh thu thuần Công ty mẹ : 138,00 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế công ty mẹ : 8,60 tỷ đồng.
- Thuế TNDN 20% : 0 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ : 8,60 tỷ đồng.
- Chia cổ tức % : 0%
- Phân phối Quỹ : 0
- Lợi nhuận còn lại chưa phân phối : 8,60 tỷ đồng.

4.Vấn đề 4: Thông qua phương án chi trả thù lao của HĐQT và BKS năm 2018

- Thù lao đối với Chủ tịch HĐQT là: 6.000.000 đồng/người/tháng
- Thù lao đối với thành viên HĐQT: 3.000.000 đồng/người/tháng
- Thù lao đối với Trưởng BKS: 3.000.000 đồng/người/tháng
- Thù lao đối với thành viên BKS: 2.100.000 đồng/người/tháng.
- Không chi trả thù lao đối với thành viên HĐQT chuyên trách đã được hưởng lương từ Công ty.

5.Vấn đề 5: Thông qua toàn văn Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam

6. Vấn đề 6: Thông qua toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị nội bộ của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Lê Hoàng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----



ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

TP. HỒ CHÍ MINH, NGÀY THÁNG 06 NĂM 2018

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

Điều 10. Thu hồi cổ phần

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

Điều 17. Thay đổi các quyền

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

Điều 37. Kiểm soát viên

Điều 38. Ban kiểm soát

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

Điều 46. Năm tài chính

Điều 47. Chế độ kế toán

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

Điều 49. Báo cáo thường niên

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

XVII. CON DẤU

Điều 51. Con dấu

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

Điều 53. Gia hạn hoạt động

Điều 54. Thanh lý

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ công ty

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại đại hội tổ chức vào ngày ... tháng 06 năm 2018.

CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
   a. *"Vốn điều lệ"* là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
   b. *"Luật doanh nghiệp"* là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
   c. *"Luật chứng khoán"* là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
   d. *"Ngày thành lập"* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
   e. *"Người điều hành doanh nghiệp"* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
   f. *"Người có liên quan"* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;
   g. *"Cổ đông lớn"* là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;
   h. *"Thời hạn hoạt động"* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;
   i. *"Việt Nam"* là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II: THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
   - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM
   - Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: VIETNAM PLASTIC CORPORATION
   - Tên giao dịch: VIETNAM PLASTIC CORPORATION

- Tên Công ty viết tắt: VINAPLAST CORP.

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: 300B Nguyễn Tất Thành, phường 13, quận 4, Tp. Hồ chí Minh
- Điện thoại: (84-28) 3945 3301 / 3945 3302 / 3945 3303
- Fax: (84-28) 3945 3298
- E-mail: vinaplast@vinaplast.com.vn
- Website: www.vinaplast.com.vn
- Logo của Công ty:

VINAPLAST

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 02 (Hai) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty trong các trường hợp sau:

- Thay mặt Hội đồng quản trị ký kết các văn bản, tài liệu, hợp đồng thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- Ký kết các văn bản, tài liệu thuộc quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Ký duyệt báo cáo tài chính và các báo cáo, bảng, biểu liên quan đến báo cáo tài chính của Công ty.
- Đại diện Công ty trong các giao dịch góp vốn, mua bán cổ phần, mua bán phần vốn góp tại các doanh nghiệp, tổ chức khác. Ký kết các văn bản, tài liệu liên quan đến quan hệ góp vốn, mua cổ phần đối với doanh nghiệp, tổ chức khác.

- Đại diện Công ty trong quan hệ đối với cổ đông của Công ty. Ký kết các văn bản, tài liệu liên quan đến quan hệ đối với cổ đông của Công ty.
- Đại diện Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán. Đại diện Công ty trong quan hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc công bố thông tin theo quy định pháp luật.
- Đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án hoặc cơ quan tiến hành tố tụng khác. Đại diện cho Công ty với tư cách người được thi hành án, người phải thi hành án trước cơ quan thi hành án.
- Đại diện cho Công ty trong các quan hệ hành chính, hình sự, khiếu nại, tố cáo đối với cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp khác.

b. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty trong các trường hợp sau:

- Ký kết các văn bản, tài liệu, hợp đồng thuộc quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc.
- Đại diện Công ty trong quan hệ tín dụng và các giao dịch khác đối với ngân hàng.
- Đại diện cho Công ty trong các quan hệ dân sự, thương mại đối với cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp khác.
- Đại diện cho Công ty trong các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Đại diện theo pháp luật của Công ty có quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công ty được quy định tại Điều 14 Luật doanh nghiệp.

CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất sản phẩm từ plastic. *Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ nhựa phục vụ cho các ngành công nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm (Không sản xuất tại trụ sở Công ty); Chế tạo khuông mẫu, thiết bị và phụ tùng ngành nhựa (Không hoạt động tại trụ sở).*	2220
2	Đại lý, môi giới, đấu giá.	4610

	Chi tiết: Đại lý ký gửi hàng hóa.	
3	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. *Chi tiết: Tổ chức hội chợ, triển lãm. Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.*	8230
4	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. *Chi tiết: Dịch vụ tư vấn đầu tư (Trừ tư vấn tài chính, kế toán).*	6619
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. *Chi tiết:Mua bán các sản phẩm từ nhựa, gỗ, giấy phục vụ cho các ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm (Không mua bán băng đĩa nhạc, hình tại trụ sở Công ty). Mua bán các loại nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, vật tư ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm. Bán buôn phân bón. Bán buôn phế liệu (Không hoạt động tại trụ sở).*	4669
6	In ấn. *Chi tiết: In ấn trên bao bì nhựa, gỗ, giấy (Không hoạt động tại trụ sở).*	1811
7	Quảng cáo. *Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ quảng cáo.*	7310
8	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. *Chi tiết: Cho thuê bãi đậu xe. Kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp. Kinh doanh bất động sản.*	6810
9	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện. *Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ gỗ phục vụ cho các ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm (Không sản xuất tại trụ sở Công ty).*	1629
10	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. *Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ giấy phục vụ cho các ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm (Không sản xuất tại trụ sở Công ty).*	1709
11	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. *Chi tiết: Mua bán các sản phẩm từ nhựa, gỗ, giấy phục vụ cho các ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm (Không mua bán băng đĩa nhạc, hình tại trụ sở Công ty). Mua bán các loại nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, vật tư ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn*	4773

	hóa phẩm.	
12	Tái chế phế liệu. *Chi tiết: Tái chế phế liệu nhựa, gỗ (Không hoạt động tại trụ sở).*	3830
13	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. *Chi tiết: Nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ mới.*	7210
14	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dung hữu hình khác. *Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp. Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng. Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính).*	7730
15	Sản xuất thiết bị điện khác. *Chi tiết: Sản xuất chuỗi cách điện polymer, vật cách điện, dây dụng cụ, dây phục trợ và các bộ dây điện khác với dây và kết nối cách điện (Không hoạt động tại trụ sở).*	2790
16	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
17	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
18	Bốc xếp hành hóa.	5224
19	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
20	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. *Chi tiết:Giao nhận hàng hóa, gửi hàng, thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn.*	5229
21	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. *Chi tiết: Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (Trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.*	4620
22	Bán buôn thực phẩm (Không hoạt động tại trụ sở).	4632
23	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (Thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Tp. Hồ Chí Minh quy hoạch về ngành nghề kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh).	4722
24	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (Không hoạt động tại trụ sở).	1020
25	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (Không hoạt động tại trụ sở).	1080

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Mục tiêu hoạt động của Công ty là huy động và sử dụng vốn có hiệu quả nhất, không ngừng phát triển các nguồn lực; cải tiến chất lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng; cải thiện điều kiện làm việc, ổn định cuộc sống cho người lao động; đảm bảo lợi ích hợp pháp của các cổ đông và làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 194.289.130.000 đồng *(Bằng chữ: Một trăm chín mươi tư tỷ hai trăm tám mươi chín triệu một trăm ba mươi ngàn đồng chẵn)*.

   Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 19.428.913 cổ phần *(Bằng chữ: Mười chín triệu bốn trăm hai mươi tám ngàn chín trăm mười ba cổ phần)* với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật doanh nghiệp được nêu tại phụ lục đính kèm và là một phần của Điều lệ này.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới theo quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật doanh nghiệp năm 2014 và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại Khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và tiền lãi phát sinh theo lãi suất 12%/năm *(mười hai phần trăm mỗi năm)* kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
   a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
   b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
   d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
   e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
   f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ *(bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí)* và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;

j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
   a. Vi phạm pháp luật;
   b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
   c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
   a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
   b. Báo cáo tài chính quý, 06 (sáu) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
   c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
   d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
   e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
   f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
   a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
   b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
   c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
   d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
   a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
   b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
   c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
   d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
   e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
   f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
   g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;

l. Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư *(nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty)*.
4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
   a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
   b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
   c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

   Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 (hai) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.
3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
   a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 (năm) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
   b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
   c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
   d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
   e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
   f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
   g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông *(tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư)*. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
   a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
   b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
   c. Phiếu biểu quyết;
   d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
   e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
   a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

   Ban kiểm phiếu tiến hành thu phiếu biểu quyết sau khi cổ đông biểu quyết các nội dung được biểu quyết tại đại hội. Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu, thống kê số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến, không hợp lệ đối với từng vấn đề được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết. Ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu, chủ tọa phải thông báo kết quả kiểm phiếu trước đại hội.

   Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

   Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại Khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

   a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

   b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

   c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự *(hoặc tiếp tục tham dự)* đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

    a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");

    b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

       Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 01 (một) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông biểu quyết tán thành:

   a. Thông qua báo cáo tài chính năm;

   b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;

   c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông biểu quyết tán thành.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

   b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư:

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử:

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
   b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
   c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
   d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
   e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
   f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
   g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
   h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
   i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

   Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 (mười) ngày kể từ khi gửi biên bản.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 (ba mươi) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

   a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

   b. Trình độ học vấn;

   c. Trình độ chuyên môn;

   d. Quá trình công tác;

e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;

g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có từ 03 đến 11 thành viên. Đại hội đồng cổ đông quyết định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị của mỗi nhiệm kỳ.

   Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

   a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

   b. Có đơn từ chức;

   c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

   d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

   e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, người đại diện vốn của Công ty tại tổ chức, doanh nghiệp khác và quyết định mức lương của họ;

d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, người đại diện vốn của Công ty tại tổ chức, doanh nghiệp khác;

e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua;

i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;

k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;

p. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật doanh nghiệp.

q. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Các khoản đầu tư, bán số tài sản không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10 (mười) tỷ đồng hoặc các khoản đầu tư, bán số tài sản thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách mà có phát sinh vượt quá 10% tổng giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị tiến hành bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ

phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

   a. Ban kiểm soát;

   b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;

   c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

   d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

   e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

   Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

   a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

   b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

   Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết.

   a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

   b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

   c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

   d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hội đồng quản trị bổ nhiệm Trưởng tiểu ban trong số các thành viên độc lập Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

   a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
   a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
   b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
   c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
   d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
   e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
   f. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cử người điều hành doanh nghiệp tại Công ty hoặc tham gia điều hành tại doanh nghiệp, tổ chức khác, trừ trường hợp người điều hành do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc cử. Quyết định thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp do Tổng giám đốc bổ nhiệm hoặc cử.
   g. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
   h. Vào tháng 12 dương lịch hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
   i. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

j. Quyết định các khoản đầu tư, bán số tài sản không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách bằng hoặc nhỏ hơn 10 (mười) tỷ đồng hoặc các khoản đầu tư, bán số tài sản thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách mà có phát sinh bằng hoặc nhỏ hơn 10% tổng giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

k. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với giao dịch đầu tư, bán tài sản của Công ty và các hợp đồng, giao dịch quy định tại Điều 162 của Luật doanh nghiệp.

l. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

   a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

   b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

   a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài

liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.
4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG X: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan

đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI: QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.
4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI: KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII: CON DẤU

Điều 51. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII: CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
   a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
   b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
   d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 53. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
   a. Các chi phí thanh lý;
   b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
   c. Nợ thuế;
   d. Các khoản nợ khác của Công ty;
   e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:
   a. Cổ đông với Công ty;
   b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

   Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra tòa án để yêu cầu giải quyết.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của tòa án được thực hiện theo phán quyết của tòa án.

CHƯƠNG XX: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 57 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam nhất trí thông qua ngày ... tháng 06 năm 2018 tại địa chỉ số 300B Nguyễn Tất Thành, phường 13, quận 4, Tp. Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Điều lệ này thay thế Điều lệ công ty đã được thông qua trước đây.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

CHỦ TỊCH HĐQT **TỔNG GIÁM ĐỐC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

DỰ THẢO QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số….. ngày… tháng 06 năm 2018 của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam)

- *Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật hướng dẫn;*
- *Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;*
- *Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;*
- *Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam.*

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty Quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông. Đồng thời, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và những người điều hành khác của Công ty.
2. Quy chế này được áp dụng cho tất cả các cổ đông và/hoặc các thành viên không phải là cổ đông song có tham gia vào việc quản lý điều hành hoạt động của Công ty và là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "Quản trị công ty" là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến công ty. Các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm:

- Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
- Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Công khai minh bạch các hoạt động của công ty;
- Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, ban kiểm soát.

b. "Công ty" là Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam

c. "Người có liên quan" là tổ chức, cá nhân được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, Khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.

d. "HĐQT" có nghĩa là Hội đồng quản trị

g. "BKS" có nghĩa là Ban kiểm soát

h. "ĐHĐCĐ" có nghĩa là Đại hội đồng cổ đông

i. "Thành viên độc lập Hội đồng quản trị" là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:

- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

j. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

3. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với quy định trong quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

CHƯƠNG II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách).

Thông báo thời điểm chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp được đăng tải trên website Công ty và gửi cho ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Điều 4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán trong đó nêu rõ đường dẫn tới toàn bộ tài liệu họp. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận,

bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp:

c. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

d. Phiếu biểu quyết

e. Mẫu ủy quyền của người dự họp. Mẫu ủy quyền được coi là hợp lệ khi đó là mẫu của Công ty, được đóng dấu treo của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau:

- Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp.
- Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
- Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
- Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
- Các trường hợp Giấy ủy quyền được lập thành văn bản không theo mẫu của Công ty sẽ do Chủ tọa đại hội toàn quyền quyết định tính hợp lệ của Giấy ủy quyền đó.

Một người có thể làm đại diện theo ủy quyền cho một hoặc nhiều cổ đông.

2. Trong trường hợp cần thiết có thể áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp ĐHĐCD tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

Điều 6. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ

Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tiến hành đăng ký cổ đông tham dự ĐHĐCĐ sẽ được Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trong đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Trong trường hợp cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Việc bỏ phiếu biểu quyết tại Đại hội sẽ được thực hiện theo các hình thức dưới đây:

1. Bỏ phiếu biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu kín hoặc giơ tay biểu quyết để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. Bỏ phiếu biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát theo phương thức bầu dồn phiếu.

Điều 7. Cách thức kiểm phiếu trong ĐHĐCĐ

- Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu biểu quyết kết thúc và được tiến hành ở một phòng riêng có sự giám sát của đại diện cổ đông hoặc đại diện Đoàn chủ tịch.
- Ban kiểm phiếu không được gạch xóa, sửa chữa trên phiếu biểu quyết.
- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, Trưởng ban kiểm phiếu đọc biên bản kiểm phiếu trước đại hội.

  Mọi công việc kiểm tra, lập biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu phải được ban kiểm phiếu làm việc trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả đó.

Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu

- Sau khi quá trình kiểm phiếu biểu quyết hoàn thành Ban kiểm phiếu lập biên bản kiểm phiếu có chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu.
- Trưởng ban kiểm phiếu thay mặt Ban kiểm phiếu đọc biên bản kiểm phiếu trực tiếp tại đại hội. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến, số phiếu ý kiến khác đối với từng vấn đề.

Điều 9. Cách thức phản đối biên bản, Nghị quyết của ĐIIĐCĐ

1. Cổ đông biểu quyết phản đối Nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần của từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết về các vấn đề nêu trên.

   Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

2. Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định Luật doanh nghiệp và của Điều lệ công ty, trừ trường hợp các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tán thành.

b. Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

3. Trong mọi trường hợp, cổ đông vẫn phải tuân thủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của Tòa án hoặc Trọng tài về việc hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp và ngày và nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình và nội dung cuộc họp;

d. Chủ toạ và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên, chữ ký của chủ toạ và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau, trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ toạ và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi Biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 11. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ

1. Công ty phải tổ chức công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán.

2. Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Điều 12. Việc ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bàng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết và phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong thời gian chậm nhất 15 ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến để cổ

đông có đủ thời gian xem xét và biểu quyết. Yêu cầu và cách thức gửi Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều 4 – Quy chế này.

3. Phiếu lấy ý kiến do Công ty phát hành phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, ngày và nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.
- Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, ngày và nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua Nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu; Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
8. Các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản

a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

b. Thông qua định hướng phát triển công ty;

c. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

đ. Quyết định dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g. Tổ chức lại, giải thể công ty.

h. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;

i. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

j. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty.

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 151 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Thành viên Hội quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.
2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điểm i Khoản 1 Điều 2 Quy chế này.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của Công ty.
4. Thành viên Hội đồng quản trị của công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.
5. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 14. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được các ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc Đại hội cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu

làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- Họ, tên, ngày tháng năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 08 (tám) ứng viên;

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 114 Luật doanh nghiệp thì Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên cho đủ số lượng cần thiết. Danh sách ứng viên Hội đồng quản trị được đề cử hoặc ứng cử phải được công bố và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

4. Ứng viên thành viên Hội đồng quản trị phải có mặt và được giới thiệu trong Đại hội cổ đông trước khi tiến hành bầu cử.

Điều 15. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị.

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội dồng quản trị. Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên. Người trúng cử thành viên Hội dồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo phê chuẩn của Đại hội đồng

cổ đông. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Không có đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Có đơn xin từ chức;

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 17. Thông báo bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT phải được gửi tới các bên có liên quan, đăng thông tin trên website và công bố thông tin theo quy định về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG IV: HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 18. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó.

2. Thông báo mời họp phải được làm bằng tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của các thành viên.

3. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại công ty.

Điều 19. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ 2 trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự dịnh họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

3. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều

kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp.

b. Phát biểu với tất cả thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Điều 20. Cách thức biểu quyết

1. Thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết các nội dung cuộc họp theo hình thức giơ tay biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
2. Thành viên không trực tiếp dự họp có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện thử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Điều 21. Cách thức thông qua Nghị quyết của HĐQT

Quyết định, nghị quyết của HĐQT được thông qua trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là quyết định cuối cùng.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 22. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị

Biên bản họp HĐQT phải được ghi đầy đủ, trung thực. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi Biên bản họp HĐQT tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 23. Thông báo Nghị quyết của Hội đồng quản trị

Nghị quyết của HĐQT được gửi tới các bên liên quan, đăng thông tin trên website của Công ty và công bố theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG V: BAN KIỂM SOÁT

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện như quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 14 Quy chế này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên cho đủ số lượng cần thiết. Danh sách ứng viên Ban kiểm soát được đề cử hoặc ứng cử phải được công bố và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

Điều 25. Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát

1. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người quản lý khác.

c. Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định khác;

d. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Kiểm soát viên Công ty do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

3. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện tại khoản 1, 2 Điều này và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Điều 26. Cách thức bầu Kiểm soát viên

Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

Điều 27. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

b. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn xin từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty

Điều 28. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Quyết định về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên được gửi tới các bên

liên quan, đăng thông tin trên website của Công ty và công bố theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VI: CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 29 . Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

HĐQT có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để hỗ trợ hoạt động của HĐQT như các tiểu ban phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ và các tiểu ban khác.

Điều 30. Cơ cấu các tiểu ban và tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban, trưởng tiểu ban.

1. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định, nhưng ít nhất là ba (03) người bao gồm thành viên HĐQT và thành viên bên ngoài.
2. HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên độc lập HĐQT làm trưởng ban các tiểu ban.
3. Tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban, trưởng tiểu ban do HĐQT quyết định.

Điều 31. Trách nhiệm của các tiểu ban

Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.

Việc thực thi quyết định của HĐQT hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VII: NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 32. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

1. Tiêu chuẩn của Tổng giám đốc Công ty

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật hiện hành.

b. Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

c. Không được là vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người đại diện quản lý phần vốn nhà nước tại Công ty.

d. Các tiêu chuẩn khác theo Điều lệ Công ty.

2. Tiêu chuẩn của người điều hành khác của doanh nghiệp (trừ Tổng giám đốc): do HĐQT quyết định.

Điều 33. Việc bổ nhiệm người điều hành của doanh nghiệp

1. Việc bổ nhiệm Tổng giám đốc

   HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Tổng giám đốc.

2. Việc bổ nhiệm người điều hành khác của doanh nghiệp

   Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, công ty được tuyển dụng người điều hành khác của doanh nghiệp với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ

cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định.

Điều 34. Ký hợp đồng với người điều hành doanh nghiệp

1. Đối với Tổng giám đốc doanh nghiệp

   HĐQT ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc Công ty, trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác.

   Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Đối với người điều hành khác của doanh nghiệp

   HĐQT ký hợp đồng lao động với người điều hành khác, trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác.

   Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 35. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

1. Đối với Tổng giám đốc doanh nghiệp

   HĐQT miễn nhiệm Tổng giám đốc trong các trường hợp sau:

a. Không có đủ điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 1 Điều 32 Quy chế này.

b. Có đơn xin nghỉ việc.

2. Đối với người điều hành khác của doanh nghiệp

a. Có đơn xin nghỉ việc.

b. Không đáp ứng được yêu cầu của công việc hoặc không hoàn thành được công việc được phân công.

Điều 36. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp được thông báo tới các bên liên quan, đăng thông tin trên website của Công ty và công bố theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 37. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

1. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các Kiểm soát viên theo điều kiện như trường hợp gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết. Kết quả họp của Hội đồng quản trị phải được thông báo cho Kiểm soát viên.

2. Tổng giám đốc có thể được mời họp Hội đồng quản trị theo cách thức mời họp đối với thành viên Hội đồng quản trị. Trong cuộc họp Hội đồng quản trị thì Tổng giám đốc được phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết các vấn đề của cuộc họp. Kết quả họp Hội đồng quản trị phải được thông báo ngay cho Tổng giám đốc để triển khai, thực hiện.

Điều 38. Gửi nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát, Tổng giám đốc

Tất cả các nghị quyết của HĐQT sẽ được chuyển đến cho Ban kiểm soát và Tổng giám

đốc trong vòng ba (03) ngày kể từ ngày ban hành nghị quyết.

Điều 39. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến của HĐQT.

Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT khi có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc.

Đề nghị của Ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận.

Điều 40. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo với Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn đã được giao theo quy định nội bộ Công ty.

Điều 41. Kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc

Căn cứ vào kết quả thực hiện, Hội đồng quản trị tổ chức họp kiểm điểm đối với Tổng giám đốc về việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc theo quy định nội bộ công ty.

Điều 42. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo:

a. Vào tháng 12 dương lịch hàng năm, Tổng giám đốc trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 (năm) năm;

b. Báo cáo dự toán dài hạn, hàng năm, hàng quý của Công ty phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm, hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính;

c. Các báo cáo khác khi được yêu cầu.

2. Tổng giám đốc phải cung cấp thông tin trong phạm vi cho phép của mình, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng khi HĐQT hoặc Ban kiểm soát yêu cầu Tổng giám đốc cung cấp thông tin. Tất cả các thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải được thực hiện bằng văn bản và được gửi đến Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong thời gian sớm nhất.

Điều 41. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các Kiểm soát viên và Tổng giám đốc.

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ tạo điều kiện cho nhau làm việc theo đúng Điều lệ công ty, các quy định nội bộ và kế hoạch kinh doanh chung của Công ty.

2. Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc sẽ không can thiệp vào công việc điều hành của nhau.

3. Trong một số trường hợp cần thiết, các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát có thể thông tin cho Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc, Trưởng ban kiểm soát hoặc tất cả để giải quyết công việc một cách kịp thời, hiệu quả.

CHƯƠNG IX: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC.

Điều 42. Phương thức và tiêu chí đánh giá hoạt động

1. Phương thức đánh giá hoạt động

   Tùy thuộc vào quyết định của HĐQT, công tác đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có thể được tiến hành theo một hoặc một số phương thức sau:

a. Tự nhận xét, đánh giá;

b. Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm;

c. Cách thức khác do HĐQT lựa chọn

2. Tiêu chí đánh giá hoạt động

   Tiêu chí đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác do HĐQT quyết định.

Điều 43. Thẩm quyền và nguyên tắc, hình thức, trình tự khen thưởng, kỷ luật

1. HĐQT có thẩm quyền quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh do HĐQT bổ nhiệm
2. Tổng giám đốc có thẩm quyền quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với các cán bộ đảm nhiệm và chức danh quản lý do Tổng giám đốc bổ nhiệm
3. Nguyên tắc, hình thức, trình tự khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ đảm nhiệm các vị trí quản lý của Công ty thực hiện theo quy chế về khen thưởng, kỷ luật do Hội đồng quản trị ban hành trong từng thời kỳ.

Điều 44. Khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên HĐQT

1. Đánh giá hoạt động: HĐQT sẽ kiểm điểm, đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên (bao gồm cả Chủ tịch HĐQT) theo định kỳ (06 tháng hoặc hàng năm), dựa theo chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động của HĐQT.
2. Khen thưởng: Tùy theo thành tích cá nhân, HĐQT có quyền sử dụng một phần tổng chi phí HĐQT, Ban kiểm soát hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua để chi thưởng cho các thành viên và xem xét khen thưởng theo quy định của pháp luật và quy chế khen thưởng kỷ luật của HĐQT.
3. Kỷ luật: HĐQT chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của HĐQT. Các thành viên HĐQT có thể bị kỷ luật theo Quy chế khen thưởng kỷ luật của HĐQT hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp đã được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này.

Điều 45. Khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Ban kiểm soát

1. Đánh giá hoạt động: Ban kiểm soát sẽ kiểm điểm, đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên (bao gồm cả Trưởng Ban kiểm soát) theo định kỳ (06 tháng hoặc hàng năm), dựa theo chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát.
2. Khen thưởng: Tùy theo thành tích cá nhân, Trưởng Ban kiểm soát sẽ đề nghị HĐQT thẩm định và quyết định sử dụng một phần tổng chi phí HĐQT, Ban kiểm soát hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua để chi thưởng cho các thành viên và